

Chương 4

Quê Hương Thanh Bình



Bãi trường, đi nghỉ hè

Thường vào dịp học trò nghỉ hè, gia đình có tiền thường cho con đi đó đây, như Đà Lạt, Vũng Tàu để nghỉ mát. Người có gia đình ở quê, về thăm quê nhà.

Anh chị em chúng tôi là con nhà nghèo, mồ côi, ăn không đủ no, quần áo không đủ lành, vậy làm sao có thể đi chơi trong lúc bãi trường? Nhiều lắm là đi theo nhà trường, như trường Tiểu Học Mac Ferrando (Gia Định) chúng tôi, có tổ chức trại nghỉ hè hai tuần hàng năm tại bờ biển Cap St Jacques (Vũng Tàu). Nhưng không phải ai cũng được đi, vì trường còn chọn mấy em có hạnh kiểm tốt và phải tùy gia đình học sinh cho phép con em đi hay không, mặc dầu là miễn phí.

Sau này, vì công ăn việc làm, cậu mợ Năm tôi về Sa Đéc coi ruộng cho một chủ điền, Bác Sĩ Lê Quang Trinh,

bù lại, cậu tôi được ông cấp một số công ruộng để tự khai thác lấy lúa gạo ăn, thế lương, như có nói phần trên.

Năm đó, cậu tôi có dặn mấy cháu trước:

- Kỳ bãi trường này, tụi bây về Sa Đéc ở với tao!

Chuyến đi này thật đặc biệt. Đi đây là đi cả hai tháng, đổi gió Sài Gòn, tìm không khí trong lành, không vương vẩn bụi thành phố, lại đi cùng với mấy anh chị em mình, vậy còn đòi hỏi gì nữa?

Lời ông Cậu dặn thêm:

- Lo sắp xếp quần áo, đem theo sách vở!

Cả đám con nít này lao xao không ngủ được, vì từ hồi nào nghe mấy đứa khác đi nghỉ hè, chỉ mơ ước làm sao được như tụi nó. Lần này là đi Sa Đéc, đồng quê trong Nam, đây là dịp tìm chum trời mới lạ.

Mấy tuần trôi qua, đã đến ngày lên đường. Sáng hôm đó, cả nhà thức dậy sớm, sửa soạn, mấy chị và em gái lo nấu hai, ba nồi cơm, nấu nhão, để làm cơm vắt, tức là cơm ép chặt trong mấy cái mo cau thành nhiều cục hình tròn lớn như chén cơm, để dẹp xuống, nướng mấy con khô, lấy một mớ dưa mắm để ăn dọc đường. Đám nhỏ gồm có năm chị em chúng tôi, năm đó tôi được 13 tuổi. Ông cậu ra lịnh:

- Xe tới rồi, đậu ngoài đường, tụi bây bung đồ ra đi!

Tôi giựt mình, vì những tưởng là mình sẽ ra bến xe Lục Tỉnh, rồi từ đó đi trên xe đò về Sa Đéc, mỗi đứa có chỗ ngồi đàng hoàng. Đến lúc đó, tôi mới biết là cậu tôi không đủ tiền mua vé xe cho từng đứa, nên ông thương lượng với tài xế một xe cam nhông hàng hóa chở chúng tôi đi.

Xe đậu ngoài đường, thành xe bốn bên cao quá mức trung bình, có mui lợp bằng lá. Xe không mở bùng sau ra được vì đã chất đầy hàng hóa. Chú lơ đờ từng đứa lên, ai lên trước phụ kéo đứa lên sau. Cậu mợ tôi ngồi trước với tài xế; chú lơ cùng chúng tôi ngồi phía sau, trên đồng hàng

hóa, nhưng vì hàng hóa đắt nhiều lên cao, phải khom xuống bò vô trong, nếu không, đầu đụng lên mũi xe.

Nhưng tuổi trẻ không để ý mấy điều lẻ tẻ đó. Tưởng tượng đến đồng ruộng vùng Sa Đéc làm cho mình dẹt nhiều mộng đẹp!

Xe chạy qua khỏi Chợ Lớn là thấy ruộng trải dài hai bên đường, càng đi xa, qua khỏi Bình Điền, Tân An, ruộng càng rộng mênh mông hơn. Xa xa, có mấy dãy cây dừa xanh, xóm làng cách khoảng, một ít con trâu đang cày.

Hỏi nào mình ở thành phố, đâu thấy ruộng lúa rộng lớn như đây? Tối Trung Lương, ngã rẽ quan trọng đi Mỹ Tho hoặc về Lục Tỉnh (như Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ), xe quẹo mặt, chạy lối 1 giờ nữa ngừng tại "bắc" Mỹ Thuận ("bắc" là chiếc phà) để chờ phà chở xe và người qua bên kia sông. Phà này nằm trên Sông Tiền Giang, lúc nào xe cộ cũng tập nập, tiệm ăn nối dài theo hai bên đường nhộn nhịp, với tiếng rao hàng in ỏi.

Đám nhỏ này ngồi trên đồng hàng hóa, có lẽ là hàng vải chờ xuống Lục Tỉnh, nhờ có mấy bao vải hay quần áo lót làm nệm, nên nằm cũng êm ái để nhìn ra phía sau xem phong cảnh.

Ăn uống, đồ ăn đem theo khá nhiều, có cơm vắt với mắm, khô, bà mợ cho phép lúc nào đói cứ lấy ra ăn, ăn cho ngán thôi, không hạn chế. Tuy vậy, khi nghe mấy đứa bán hàng rao nào là mía ghim, ổi xá lị, bắp nấu, khoai luộc, và nhìn thấy chim óc cao nướng, tôm rim, gà luộc bày trong tủ kiếng tiệm ăn, ai nấy đều thèm quá, nhưng đâu có tiền để mua, đành nuốt nước miếng.

Khi đến đò, ai cũng phải xuống xe, nhờ vậy, ngắm được sông nước bao la và thở gió mát trong lành.

Qua khỏi bắc Mỹ Thuận rồi, xe chạy thêm gần 30 cây số nữa tới tỉnh lỵ Sa Đéc, lúc đó lối 2 giờ trưa. Chợ Sa

Đéc, cũng giống như các chợ tỉnh khác trong Nam, nằm trên điểm giao lưu mấy con sông lớn. Giờ đó, đã tan chợ, chỉ còn mấy quán bán món ăn tại chỗ, các bạn hàng khác đã về hết.

Mặc dầu đã ăn cơm vắt no rồi, nhưng khi xuống xe, ngồi trên bờ sông nhìn vào các tiệm ăn người Tàu dọc theo đường chạy quanh chợ, thấy hấp dẫn quá: thịt heo quay, vịt quay, gà luộc ... treo lủng lẳng nhắc nhở một hai lần đi ăn cơm Tàu ở Chợ Cũ Sài Gòn.

Mấy anh chị em đồng chung hoàn cảnh, cùng thèm ăn nhưng ráng chịu đựng, tự an ủi cho cảnh nghèo khó của mình, đâu dám than van. Trong lúc cậu tôi đi tìm ghe, bà mợ đi mua thêm chút đồ ăn để đem vô ruộng.

Lát sau, một chiếc ghe tam bản đến đậu tại bờ sông, chúng tôi xúm nhau chèo đò dọc xuống ghe. Đó là chiếc ghe nhà của cậu tôi, cỡ 5 thước bề dài và non 2 thước chiều ngang ở giữa, có mui bằng ván và hai bên có cửa sổ treo màn. Ghe có hai mái chèo phía sau. Cả bọn cẩn thận xuống ghe, vì không quen nên lắc qua lắc lại, hơn nữa, còn ôm quần áo đồ đạc đem vào giữa lòng ghe nên rất sợ ghe lật.

Sau khi xong xuôi, cậu cho ghe rời bến, ghe do một chú tá điền trong ruộng của cậu tôi chèo. Trước khi rời bến, chú nói:

- Minh đi bây giờ là dừ (vừa) đó thầy Năm (tức cậu tôi), lúc đầu bị nước ngược một đỗi, sau đó gặp nước xuôi, nhẹ hơn!

Ghe từ từ bỏ lại sau cánh thuyền bè qua lại tấp nập quanh chợ, để nhắm hướng Kinh Bờ Bao là nơi cậu tôi ở.

Cảm nghĩ đầu tiên của tôi là sao cuộc đời bỗng nhiên chậm lại. Từ chiếc xe cam nhông chở chúng tôi chạy ào ào lộng gió, bây giờ là chiếc thuyền từ từ nhẹ lướt trên sông bằng hai cánh tay của con người. Sông chỗ này rộng

bao la, nhìn bờ bên kia thấy mờ mờ, nước đục màu vàng xẫm, có khúc màu nâu lợt, chảy cuộn cuộn và sóng đập mạnh vào mạn thuyền làm cho ghe lao chao.

Đi hơn một tiếng đồng hồ, ghe bỏ lại sau lưng cả một nền văn minh! Đồng ruộng bát ngát, trên sông bây giờ chỉ còn đơn độc ghe mình, đến đây sông nhỏ hơn nên ít sóng. Xạc... xạc... xạc... xạc..., tôi nghe rõ từng tiếng mái chèo đập trên nước. Đâu có những căn nhà san sát nhau như ở xóm Bình Hòa của tôi, không thấy đám con nít chạy rong chơi. Vì đây là vùng sâu nhứt, trù tịch nhứt của đồng quê miền Nam, chỉ đồng ruộng, và đồng ruộng, lác đác vài mái nhà hai bên bờ sông... Dưới nước, lục bình trôi dạt dờ từng đám như những cụm mây trên trời.

- Thôi cậu nó dậy ăn gì thêm với tụi nó đi, đói rồi, đây tới tới mịt mới về tới nhà!

Nói xong, mợ tôi bày ra mấy miếng com vắt còn dư, thêm vào mấy bánh ít, gói xôi muối mè, mấy phong bánh in mua ở chợ Sa Đéc hồi trưa.

Ghe tiếp tục lướt đi, qua hàng Ba Cây Sao, rồi đến Ngã Tư Bình Tiên, ngã tư này là ngã tư sông chớ không phải ngã tư đường, nơi đây có nhà cửa san sát, có ánh sáng đèn dầu, có thuyền ghe qua lại, đem lại cho tôi đôi chút an ủi bớt cô đơn.

Rồi trời tối hẳn, âm u lạ thường. Trên trời sao giăng đầy, không một tiếng động trừ tiếng u u của bầy muỗi bay ra chào đón khách và tiếng mái chèo trên nước, không một ánh đèn; lâu lâu gặp một chiếc xuồng bơi ngược dòng.

- Dậy tụi bây ơi, gần tới nhà rồi!

Sau tiếng nói của cậu, chúng tôi vội vàng tỉnh dậy, mừng quá, nhìn ra ngoài, vẫn tối đen, vẫn tiếng mái chèo đập nước và đám muỗi kêu o o.

- Chưa đâu tụi con ơi, còn nữa!

Bà mợ vội cắt nghĩa khi nghe "than thở quá nhiều muối":

- Bây giờ mình đang đi trên sông, có nhiều gió, muối còn ít, về tới nhà thì biết.

Một lát sau, ghe đổi hướng, chun dưới một cầu khi, qua một khúc rồi đậu vào mương trong nhà, giống như xe hơi vào ga ra vậy.

Một cuộc hành trình từ sáng sớm đến tối mịt, từ cơ khí văn minh đổi qua cảnh sống thiên nhiên với cỏ cây, trời, nước...

Chân trời mới

Sáng hôm sau, khi thức giấc, tôi nhìn kỹ lại cảnh vật.

Êm lặng vô cùng. Nhìn căn nhà, một nhà lớn ba gian, nền đất, vách toàn tre đan, mái rơm. Đặc biệt là nền đất, vì làm bằng bùn hốt từ đất ruộng đắp lên, nên lồi lõm và nứt nẻ chớ không bằng phẳng như nền nhà đất ở Bình Hòa. Nền này chỉ hợp với người tay lấm chun bùn, với người đi chun không, và dị ứng với ai mang giày, mang guốc, ai làm khác hơn là nó quăng té xuống đất, nhứt là khi gặp dốc, hay trời mưa. Kỵ nhứt là giày cao gót, vì không rút gót giày lên được.

Bên hông nhà có bờ lúa lớn, lối 4 thước đường kính, cao khỏi đầu người, đựng lúa dành ăn quanh năm, hay đem bán để lấy tiền chi tiêu trong nhà.

Ngoài ra có lẫm lúa thật cao, thật lớn, chứa lúa của tá điền đem đóng sau mỗi kỳ gặt lúa gọi là lúa ruộng hay theo ngoài Bắc là địa tô. Trước nhà là sân rộng lớn, cần có để phơi lúa, quạt lúa, hoặc đem lúa ra xay, giã gạo cho nhà ăn.

Phía sau nhà, cũng sân rộng, có chuồng gà, vịt, và vài luống rau, nhưng rau cải tại nơi đây ẻo uột lấm, vì đất

phèn chua, rau cải sống không được tốt. Ngoài ra, có một số lớn lu, khạp đựng nước mưa dành để uống quanh năm. Một số khạp khác chứa nước sông để cho bùn lắng đọng xuống dành làm nước nấu ăn. Còn rửa chén, giặt giũ, tắm rửa ..., tha hồ dùng nước ngoài mép ruộng, nguồn nước bất tận, thay đổi luôn luôn theo nước lớn nước ròng.

Không có nhà cửa chung quanh, nhà này cách nhà kia gần cây số, dọc theo con đường đất chạy dài hai bên Kinh Bờ Bao.

Tại sao có tên Kinh Bờ Bao? Đây là một con kinh dài cả ba bốn chục cây số, thẳng tắp, do xáng mước, một loại tàu xúc đất đổ ra hai bên, theo chương trình dẫn thủy nhập điền, nối liền hai con sông lớn từ quận Châu Thành và quận Lai Vung cùng tỉnh Sa Đéc. Gọi là con kinh, nhưng nó lớn lắm, bề rộng cũng hơn mười thước, lâu năm cây cối mọc um tùm hai bên như trên bờ một con sông, ghe thuyền có thể qua lại dễ dàng. Tục ngữ có câu "ăn như xáng mước, làm như lục bình trôi", ám chỉ những người ăn nhiều nhưng làm biếng, lờ dờ. Nhờ xáng mước nên có đất đổ lên hai bên bờ kinh, dân chúng cất nhà trên bờ. Việc làm ruộng, phải đi vô thật sâu, thật xa, đi mãi, do những con kinh nhỏ hoặc rạch, xẻo (rạch nhỏ) dẫn chạy vào.

Phương tiện di chuyển duy nhất trong nghề làm nông ở đây là ghe, xuồng (bơi hay chèo bằng tay, thời đó không có máy đuôi tôm), chỗ nào cũng có sông, rạch đi đến được. Chỉ đi bộ khi nào có đường đất thôi, và chỉ có đường đất hai bên bờ kinh, bị đứt quãng bởi các rạch, các xẻo, trên đó người ta lót cây dừa, cây cao làm cầu, gọi là cầu khỉ. Thỉnh thoảng có người dùng xe đạp, nhưng đường trơn trượt, dễ té, khi đi qua cầu khỉ, người phải cõng xe, giống như lực sĩ biểu diễn đi dây, không khéo sẽ lọt ùm xuống nước,

người và xe đạp có dịp tắm sông! Không xe bò, xe ngựa, xe ba bánh, vì đâu có đường để đi?

Mấy ngày đầu, nhớ Sài Gòn quá, cảnh vật quá xa lạ đối với mình: mắt không thấy, tai không nghe những gì quen thuộc từ xưa. Không thấy xe cộ dập diu qua lại, không nghe hàng bánh rao bán gì cả, không biết chừng nào mới được nghe lại tiếng gõ lắc cắc của mấy chú đẩy xe bán mì, hủ tiếu, tiếng rao bán chè đậu thưng của bà gánh dạo, hay tiếng rao bán "bắp vườn hôn?" của mấy cô bé bán rong trong xóm?

Tối đến, trong đêm vắng lặng, lại nhớ đến xóm Bình Hòa, nhớ đến mấy câu vọng cổ của Cô Tư Soạn đào hát cải lương trong đĩa hát "Tiền con gái về nhà chồng" lanh lạnh từ căn nhà hàng xóm vọng qua:

"Con ơi, tháng chạp đến đây là ngày tên con ghi vào cuốn sổ nhân duyên..., ơ..."

Thật xa vời quá!

Rồi lần lần, ban ngày, anh chị em chúng tôi nhào ra cầu thang trước nhà tắm sông, bơi lội nhưng không dám ra xa vì nhiều lúc nước chảy mạnh. Đây là con sông (Kinh Bờ Bao) nên nước thủy triều dâng lên sục xuống theo con nước, không phải là nước đọng, tắm phải cẩn thận vì nước có thể cuốn mình đi.

Khi chơi xong, lấy sách vở ra đọc, đi dạo chung quanh, nhiều khi ngán quá, lăn ra ngủ, không có nít nhỏ hàng xóm đồng tuổi chơi với mình. Cỡ 13, 14 tuổi như tôi, chúng theo cha mẹ vô ruộng, cày bừa, gieo mạ, cấy gặt, tùy mùa. Cỡ nhỏ hơn, 8, 9, 10 tuổi, chúng đi chăn trâu, xom rần, đặt lờ, câu cá, đuổi chuột (là bắt chuột về ăn), chớ không tụ họp từng đám chơi như trên thành thị.

Việc xom rần cũng khá ly kỳ. Một thằng nhỏ cầm cây xom rần bước chậm rãi trên đường đất, thỉnh thoảng nó

lấy cây chĩa sắt nhọn đâm lún xuống đất, đâm cầu may. Khi nào nó cảm thấy cây run run là trúng con rắn, nó đâm sâu thêm, để cây chĩa đó, và bắt đầu đào bới đất chung quanh để bắt rắn lên, phần nhiều là rắn hổ, rất độc. Con rắn, vì bị đâm trúng, không chạy được, nằm cựa quậy trong hang; trong chớp mắt, thằng nhỏ nắm cổ con rắn và bóp siết chặt. Rắn hết nhúc nhích, thằng nhỏ gỡ cây xom ra, kéo rắn ra, đuôi rắn quắc quẩy, máu chảy ròng ròng.

Xong nó đập đầu con rắn cho chết và bỏ vào giỏ, rắn dài cũng gần một thước. Một ngày nó kiếm chừng 2, 3 con là đủ ăn trong nhà. Có khi được nhiều, nó đem ra chợ bán. Xem như thế mới biết ở xứ này có rất nhiều rắn ở dưới đất, dưới chum mình.

Nói về muối, nhiều kinh khủng. Vừa chạng vạng tối, mình chỉ cần quơ tay lên đập là bao nhiêu muối chết trong tay, lấy tay đập vào mặt là muối chết trên mặt. Người ta nói là "muối kêu như sáo thổi", đến đổi trâu bò ngủ phải có mùng giăng. Do đó, vừa chập tối là phải chun vô mùng, còn ngồi nói chuyện, phải quơ hai tay như mấy chàng mới học múa võ "tài chi".

Việc ăn uống hằng ngày làm chúng tôi luyện tiết vô cùng những ngày "hạnh phúc" của nhà nghèo ở Bình Hòa. Vì ở Sa Đéc đây, chỉ ăn ngày hai bữa, lối 10 giờ là bữa cơm sáng, 4, 5 giờ chiều, bữa cơm tối. Thức ăn: mắm đồng chưng không thịt, cá kho với nước mắm đồng, (ở đây, nước mắm cá biển rất hiếm), mùi nước mắm đồng lạt lạt, hôi hôi, ăn không quen. Rau cải ít khi có, vì như trên có nói, rau cải không sống nổi với đất phèn. Canh chua không có bạc hà, me, chanh, hay thơm, chỉ dùng nước "con me" (cơm nấu, lấy nước cơm ra để lâu thành chua). Ngoài hai bữa ăn chánh, không có gì ăn khác. Có khi chúng tôi đi câu hoặc xúc được mớ cá nhỏ, ngày đó có thêm cá.

Xứ này là xứ cá, xứ tôm tràn đầy, nhưng không phải tự nhiên tôm cá chun vô nhà mình. Hoặc mình phải mua, hoặc mình phải đi bắt, mà chúng tôi không có cả hai. Có lẽ tài chánh không được rộng rãi nên cậu tôi phải thắt lưng buộc bụng. Lâu lâu, gia đình mua rần, chuột của mấy em nhỏ bán đi ngang nhà, nhờ đó có một bữa ăn thịnh soạn: rần xào lăn, chuột rô ti.

Nói như vậy không phải là nơi nào ở ruộng cũng thiếu thốn như đây. Chỉ có vùng Kinh Bờ Bao này là "nơi hang cùng ngõ cụt", chớ tại mấy nơi khác, xóm làng sung túc, vườn tược, cây trái, rau cải xum xê, và chỉ ngồi chơi mà đợi, nhìn cá tôm chun vô nhà (sẽ nói sau).

Qua tuần trăng mật đầu tiên với xứ lạ, bây giờ là bắt đầu công việc nhà nông.

- Ngày mai, đi cấy, tụi bây ra ruộng với tao! - cậu tôi luôn luôn xưng tao và kêu "tụi bây, mày", đó là cách nói quen của ông, chớ không có ý ghét bỏ.

Cậu hồi nào đến giờ quen thói phong lưu, không làm gì động tới móng tay, cả làm ruộng ở đây nữa. Ông đáng người mập mập, bụng bự, thân thể ít năng động; nếu không đi đâu, cả ngày nằm toòng teng trên chiếc võng móc trong buồng, mở cửa nhìn ra phía ruộng, thở không khí mát mẻ. Lúc đó, ông không đến 50 tuổi. Cái hay của ông là không cờ bạc, không rượu chè, không nhậu nhẹt giao du với ai, chỉ mắc một tật là "giao du với vợ bé" ở Saigon mà ông thỉnh thoảng về thăm.

Công việc của cậu tôi là thay mặt chủ điền cho tá điền mướn ruộng và thu lúa ruộng. Nói là làm ruộng, nhưng cậu tôi đều mướn tá điền làm, bằng cách trừ vào lúa nộp mỗi mùa. Đến việc xay lúa, giã gạo ăn trong nhà, tôi không thấy ông làm bao giờ. Lòng bàn tay ông có "vân màu hồng", là những đốm hồng hồng, người ta nói người

như vậy có số sướng. Thật vậy, đời ông cứ ung dung, lại có bà mợ lo lắng mọi việc, nuông chiều và phục vụ cho ông.

Ở xứ ruộng nước mênh mông này, ông không biết cầm cây dầm bơi xuồng, cầm cây chèo để chèo ghe, đi đâu cũng nhờ người khác chèo ghe cho ông đi. Giống như ở Mỹ không biết lái xe vậy. Còn về bơi lội, không thấy ông ra sông để lội bao giờ. Ở ruộng, ông vẫn mặc đồ bà ba màu trắng, nhờ nước phèn và không có xà bông nên màu trắng ngả ra màu vàng hay xám, hơi giống người trong ruộng chút ít.

Nhưng nghĩ lại, việc ông chịu khó xuồng vùng ruộng hẻo lánh này ở cũng là điều tiến bộ lắm rồi, có lẽ ông không còn cách lựa chọn nào khác. Tôi muốn nói rõ đoạn này về ông để sau này độc giả không phải thắc mắc vì sao ông gặp nạn.

Nhà nông ... bắt đắc dĩ

Gà vừa gáy (lỗi 4, 5 giờ sáng) là ghe đã rời nhà, trên ghe có hai, ba chú tá điền, cậu mợ và anh chị em chúng tôi, chỉ một chị ở lại giữ nhà.

Trên ghe, có chắt mấy rổ cơm nếp nấu sẵn từ tối hôm qua, một rổ mắm sống, muối đậu, kèm theo một bình nước trà lớn, đó là buổi cơm dành cho "con cấy" ăn trưa. Người ta quen gọi "con cấy" là những người đi cấy lúa, đa số là đàn bà, đàn ông thường đi theo để rải mạ cho người cấy. Người ta đi cấy cho nhau theo lối vần công, hôm nay người ta cấy cho mình, mai mốt mình cấy lại cho người ta. Nếu mình không làm được, mình trả tiền mượn người thay thế.

Hôm đó là cấy ruộng cho cậu tôi ở Xẻo Nga, có khoảng gần 8 con cấy, tụ họp đông đủ trước khi ghe chúng tôi tới. Trời hừng hừng sáng, mây đỏ xuất hiện phương Đông. Qua loa vài câu chuyện là bắt tay vào việc.

Công việc của tôi và em trai tôi là rải mạ, coi theo người ta làm sao mình làm vậy.

Phân con cấy, họ sắp hàng ngang đưa lưng lại mình, mỗi người tay cầm dùi (cây nọc cây lúa, dài lối 3 tấc, một đầu nhọn) đi thụt lui và khum xuống, tét ra từng tép mạ, lấy cây dùi đâm xuống đất rồi nhét tép mạ xuống. Họ tiếp tục đi thụt lui vừa cấy, làm lia lịa, không ai bảo ai mà vẫn giữ hàng ngang, phàn sự mấy người đứng sau (kể cả chúng tôi) là tiếp té mạ cho đủ đề cấy, không được chậm trễ.

Tuy đông người, nhưng bầu không khí rất êm lặng, mạnh việc ai nấy làm, lâu lâu có tiếng họ cười nói với nhau, còn chú phụ trách việc tiếp té mạ kéo từng đồng lại gần cho đám người phụ trách rải bó mạ phân phát ra từng hàng cho con cấy.

Đằng xa, cũng có những đám người mặc đồ đen lô nhô với nón lá, lum khum làm như mình, vì lúc này là mùa cấy lúa.

Mặt trời bắt đầu lên cao. Không ai có đồng hồ, cũng không cần đồng hồ. Họ chỉ nhìn lên mặt trời để đoán giờ giấc. Cậu mợ tôi bắt đầu giờ nôi lấy xôi nếp ra, giờ mấy gói mắm đồng đã xé sẵn, và bày ra mấy túi muối đậu.

Bắt đầu bữa cơm trưa, người ta gọi là "cơm buổi". Con cấy và bạn bè (trong Nam thường kêu người làm công cho mình là "bạn bè") ngưng tay, cười đùa, đi lại mé rạch có nước trong để rửa tay, mặt mày lấm bùn, tay người nào cũng mộp vì ngâm nước ròng rã. "Cơm buổi" gồm có cơm nếp, mắm, muối đậu, kết thúc bằng nước trà.

Trưa hôm đó, tôi ăn thật ngon vì đói, vì lạnh do ngâm mình cả buổi dưới nước, vì vui vẻ thấy có đông người. May là tôi đứng phía sau, đi đứng qua lại, tội nghiệp cho người cấy lúa, khum xuống từ đầu cho đến cuối buổi làm việc và tiếp tục như vậy cho đến khi nào cấy xong.

Nghỉ ngơi một chút, khoảng nửa giờ, lại tiếp tục công việc cho đến lối 4 giờ chiều, ai về nhà nấy, hẹn ngày mai tiếp tục cho đến khi nào cấy xong thửa ruộng, thường hai ba ngày.

Trong thời gian nghỉ hè này, tôi học được rất nhiều việc, toàn là việc bắt đỉ, xem như ép buộc vào lúc đó, nhưng sau này nghĩ lại rất hữu ích. Là sống hòa mình với người nông dân khốn khổ, hiểu biết được lối sống của họ.

Nhờ đó, tôi biết bơi xuồng với cây dầm, ngồi lái hay ngồi mũi đều được cả. Đến chèo ghe là khó hơn, tôi vẫn chèo được từ một mái chèo đến hai mái chèo. Mấy lần đi đâu sau này, chúng tôi thay phiên nhau chèo cho cậu tôi đi, đi gần thôi, không dám ra sông lớn hoặc chỗ ráp nước vì không đủ sức mạnh và kinh nghiệm tránh nước lũ hoặc nước xoáy.

Xay lúa cũng vậy, đây là việc dễ nhứt, mình chỉ lấy tay đẩy cùn cây từ chiều thẳng tới lui để đổi thành tác động vòng tròn cho cối xay lúa quay, xay để tách rời vỏ trấu với hạt gạo. Xong rồi, hót lúa vào thúng, người quạt gió, người trút từ từ thúng lúa vừa xay trước luồng gió quạt, gạo nặng rớt gần, trấu nhẹ bay đi xa, bà mợ với mấy chị em hót, gạo theo gạo, trấu theo trấu ... Dưới mắt thi nhân, cảnh sông này hẳn cũng gây xúc cảm làm được bài thơ với đám con cháu quay quần, cả nhà làm việc đồng áng, giống như "Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa" trong sách đồng ấu học mấy năm về trước.

Trở lại việc xay lúa. Gạo xay ra là hạt gạo lức, còn lớp cám, phải đem ra giã để có gạo trắng. Việc giã gạo này hơi nặng và nguy hiểm, vì phải cầm cái chày hình chữ T, đầu chữ T là một khúc cây tròn, dài 4 tấc, đường kính lối 1 tấc, nặng lối 7, 8 kí lô, thân chữ T là cái cán để cầm. Khi

giã gạo, mình dơ chày lên cao khỏi đầu và nện xuống cối trong đó có gạo lúc.

Lúc đầu làm không quen, quơ chày lên, có thể lạng quạng rớt xuống không đúng chỗ; hơn nữa khi bắt đầu giã, hột gạo còn cứng và trơn, chày dễ văng ra ngoài. Sau khoảng một chục chày, hột gạo "đổ lông", nghĩa là cám bắt đầu tách ra, gạo không còn trơn như trước, ít sợ chày văng ra. Làm quen, chày dễ trúng xuống lòng cối, một thời gian sau là giã giỏi.

Sau này, tôi có thể giã chày đôi, nghĩa là hai người cùng làm một cối, đối diện nhau và nện xuống cối. Việc này phải làm nhịp nhàng để khi mình đưa chày lên thì người kia nện xuống và tiếp tục xen kẽ như vậy cho đến khi gạo sạch cám. Giã gạo với hai người vui hơn, nhưng phải cẩn thận, không khéo đập chày vào đầu nhau thì "mệt" lắm. Đó là một lối tập tã để có bắp thịt nở nang, lại có gạo trắng để ăn.

Ngoài những việc kể trên, có việc đi nhổ cỏ lúa là ngán nhứt.

Sau khi cấy lúa xong vài tuần, cây lúa cứng, mạnh và lớn lên, anh chị em chúng tôi có phận sự đi nhổ cỏ lúa, nhổ cỏ mọc quanh cây lúa, vì cỏ làm cho lúa chậm lớn. Có lẽ đây là gạo ngon hay nếp quý, mới nhổ cỏ, chớ xứ này, ruộng lúa mệnh mông, lao công đâu có đủ để nhổ cỏ.

Lúc đầu ông cậu cùng đi chỉ cho anh chị em tôi làm, sau, chúng tôi tự bơi xuống một mình vô ruộng, và ở ngoài đó cả ngày đến xế bóng mới về.

Ngoài ruộng, có gió mát, nhưng nắng chang chang cả buổi ngoài trời cũng mệt. Hơn nữa, phải xuống ruộng, ngâm mình xuống nước (ruộng ở đây luôn luôn có nước gần đến đầu gối mình), phải ngồi xuống mới nhổ được cỏ,

thành ra toàn ở dưới nước. Thỉnh thoảng, có tiếng la "cầu cứu" của mấy chị em: Đĩa, đĩa, đĩa đeo!

Em trai tôi cũng giỏi trong việc câu cá, xúc cá. Lúc nào nghỉ mệt, chú thả lưỡi câu xuống, bắt được một hai con cá sặc, cá mè. Tôi không câu được cá bao giờ: người ta nói tôi không có tay "sát cá".

Khi nào mệt hay đói bụng, chúng tôi leo lên xuồng, không có một bóng mát trừ chiếc nón lá của mình. Và chỉ có mấy anh chị em quây quần với nhau, người này nhìn người kia hoài rồi phát chán.

Xuồng đi theo con mương nhỏ, vừa đủ hai chiếc xuồng qua lại, hai bên xuồng là bờ ruộng có cây điền điền mọc đầy, xuồng đi thường chạm vào cây điền điền... nhưng cây điền điền thì... thì sao?

Mới đây, năm 2000, có một nhạc sĩ (không biết tên) đặt bài nhạc ca tụng nét đẹp của bông điền điền và người ta xúm lại khen bông điền điền. Sau đó, ở Việt Nam có phong trào ăn lẩu (canh) quý bằng bông điền điền.

Riêng tôi, nhắc đến bông điền điền là tôi sợ lắm. Tôi nhớ bông điền điền màu vàng và không dám nhìn kỹ nó, vì cây điền điền có quá nhiều sâu. Nhìn cây điền điền thấy sâu là ngán rồi. Sâu điền điền bò đầy cây, nó to bằng ngón tay út, lông, gai dài, đủ thứ màu, động tới nó là ngứa lắm. Khi xuồng đi vô rạch tới đám cây điền điền, người nào người nấy phải lo né tránh, không dám nhìn, không dám đụng đến mấy nhánh de ra ngoài, sợ rung cây, sâu rớt xuống xuồng, không có trí óc nào để thưởng thức vẻ đẹp của hoa điền điền màu vàng đỏ.

Do đó, nhắc đến việc đi nhổ cỏ lúa là phải nhắc đến sâu điền điền, cảnh tượng đó giờ này vẫn còn làm cho tôi "ớn ớn".

Vùng trù phú

Trong thời gian nghỉ bãi trường này, những ngày vui nhứt là được đi ghe ra chợ Bình Tiên trên đường ra chợ Sa Đéc, xa Kinh Bờ Bao chừng ba tiếng đồng hồ ghe, để bà mợ mua thêm đồ ăn. Vui là vì được tạm xa một ngày cảnh đồng không mông quạnh Bờ Bao và thấy lại được chút ít bóng người của nơi phồn hoa đô hội, thấy được chợ búa người qua kẻ lại. Thêm vào đó, thấy cảnh sung túc của miền quê trong Nam.

Đi đây mà lòng chạnh nhớ khi xưa đi chợ Bà Điểm, Hóc Môn với mẹ, con cái đòi gì mẹ mua cho ăn đủ thứ, giờ này với bà mợ, mình đâu dám, chỉ nhìn thôi. Tuy nói vậy, khi đi chợ xong, lên ghe trở về, bà mợ cũng cho tụi cháu này thưởng thức chút chuối khô hay bánh cam.

Xóm Bình Tiên này chưa thuộc hạng giàu, vì là nhà lá, lâu lâu xen kẽ nhà ngói. Nhưng nhà nào cũng cất trên lồi một, hai mẫu tây, đó là nói về nhà cửa, vườn tược, chưa kể ruộng, mình không biết. Họ trồng đủ thứ, cau ăn trầu từng hàng thẳng tắp, cây dừa trong các bờ mương và tận bờ sông, chuối từng bụi rậm sau nhà, măng cầu xiêm, mít, bưởi, cam, và đủ thứ rau ăn trong nhà. Gà, vịt, ngỗng ..., nuôi khỏi tốn đồ ăn, chúng chỉ ra mương sau nhà tự tìm cá, tép, tôm, hay đào bới kiếm trùn để no bụng.

Người dân ở đây, chỉ cần đủ lúa gạo ăn quanh năm, còn đồ ăn, họ khỏi lo, họ chỉ nhìn và chờ cá "chun vô nhà".

Thật vậy, trước nhà nào, dọc theo con sông, cũng có đắp một cái ụ, giống như một cái ao nhỏ chừng 3 hay 4 thước đường kính. Bờ ụ ngó ra sông là một cái cửa bằng cây hay tre đan, kéo lên, sập xuống từ một sợi dây trên bờ.

Canh chừng nước lớn, người ta kéo cửa lên cho nước và cá tôm vào. Khi gần "đứng nước", họ lấy mớ cám rải trên mặt ụ để dụ cá ăn mồi. Xem chừng nước sắp rút, họ ra sập cửa xuống, như vậy là cá tôm chun vào bị kẹt trong

đó. Chờ nước ròng, công việc là lấy vợt lưới vớt cá, tôm bỏ vào rổ. Cảnh thanh bình sung sướng là vậy.

Tuy nhiên, cá tôm vô ụ đây thuộc loại nhỏ, như cá rô, cá sặc, cá mè, tôm tép, bắt cũng được vài chục con, có thể kho ăn hai, ba ngày cho một gia đình ba, bốn người. Đó là cảnh gia đình muốn hưởng chữ nhàn. Muốn có nhiều hơn nữa, vẫn có nhiều cơ hội hơn bằng cách làm việc nhiều hơn, như đặt lờ, câu cá, hoặc tát đĩa, có cá nhiều hơn và cá lớn hơn, tùy theo mùa. Ngoài ra họ còn đi đuổi chim, nghia là đi giăng lưới bắt cả bầy chim.

Thỉnh thoảng, cậu tôi có đi thăm mấy ông chủ điền giàu có, tôi có dịp thấy họ có nhà sang cửa rộng là đường nào trong vùng đồng quê này. Nhà có hai ghe hầu (ghè hầu là du thuyền, có màn che trướng rủ), có cầu thang cho ghe đậu, bước từ bờ sông đi thẳng vô nhà là một hành lang rộng trải đá xanh, nhà lợp ngói đỏ, rộng thênh thang, có nhà cho bạn (người giúp việc) ở, sân rộng lớn lót gạch bao quanh, chuồng trâu, chuồng bò trong tít tận xa phía sau.

Hai tháng bãi trường nếm đủ mùi mới lạ, dù cực khổ đến đâu, phải chấm dứt. Ngày về Sài Gòn, là ngày mong đợi và hơn hờ nhứt.

Thôi già từ mấy đám lục bình lững lờ trên sông, già từ đám sâu diên diên, già từ đám muỗi cứ đến trò chuyện với mình mỗi đêm ... ôi biết bao nhiêu điều mình không muốn gặp lại!



Chương 5

Thời Cuộc Rối Ren



Trường Pétrus Ký

Hồi đó, trong Nam, chỉ có một trường trung học duy nhứt của nhà nước, đó là Trường Trung Học Pétrus Trương Vĩnh Ký, gọi tắt là Lycée Pétrus Ký. Trường này nổi tiếng thời đó, vì toàn giáo sư giỏi, do Chánh Phủ Pháp ở Đông Dương bổ nhiệm. Trường mỗi năm chỉ thu nhận vào khoảng 200 học trò, kỳ thi tuyển rất gắt gao, đậu thi tuyển mới được vào học. Trường có chỗ ở cho nội trú, bán nội trú, và có cấp bổng miễn phí nội trú, bán nội trú, dành cho học sinh nghèo, đậu cao. Nội trú là học, ăn, ở luôn trong đó. Bán nội trú là đi học, ăn trưa, ngủ trưa trong đó, chiều ở lại học, làm bài của mình, có Giám Thị (Surveillant) kiểm soát, đến 7 giờ tối, về nhà.

Sau khi đậu bằng Tiểu Học xong, tôi xin thi vô trường này.

Có gần đến 600 thí sinh, tôi may mắn đậu hạng 80 trong số 200 thí sinh trúng tuyển, nhờ đó, xin được bán nội trú miễn phí. Ao ước của tôi là được nội trú vì nhà xa, và cho đỡ tốn kém gia đình, nhưng hạng 80 chỉ được bán nội trú thôi.

Học trường này, phải mặc đồ bà ba trắng, mang guốc, (lúc đó, không có dép), học trò đạo mạo hơn trước, mặt mày nghiêm nghị, "không còn lêu lổng vui đùa như mấy năm còn bé" (theo câu nói ghi trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư), vì mình bước vào một ngõ mới của cuộc đời, nhìn về tương lai hơn.

Nhớ lại ngõ ngang nhứt là năm đầu (1ère Année), "từ nhà quê lên tỉnh, từ dân quê lên thành thị", cái gì cũng mới lạ.

Trước ngày tựu trường, tôi đã sắm sẵn một bộ đánh răng mới, gồm có bàn chải mới, hộp phấn đánh răng hiệu Gibbs, hộp màu bạc, bên trong có cục xà bông đánh răng màu hồng, mùi thơm phức. Mấy ngày trước khi tựu trường, tôi không dám xài, phải đợi đến ngày tựu trường mới khai trương, năm đó tôi được 13 tuổi.

Tôi đi học bằng xe đạp. Sáng ngày tựu trường, tôi đi thật sớm, ra đến cổng trường chờ. Đến giờ, một hồi chuông reng lên: thật là lạ, không còn nghe tiếng trống đánh thùng thùng nữa! Khi sắp hàng vô lớp, cũng lạ, vì tiếng guốc kêu lộp cộp nện xuống nền gạch bông như lính mang giày đinh đi bộ trên đường, và số học sinh từng lớp cũng không đông như hồi tiểu học, chỉ có hơn 40 đứa mỗi lớp.

Không có nghỉ xả hơi nửa buổi, mỗi giờ lại chuông reng nghỉ 5, 10 phút, để đổi giáo sư, đổi môn. Nhiều điều lạ thật!

Bữa ăn trưa đầu tiên, sao mà sang quá? Có món cà ri gà! Thời đó, trong gia đình tôi, thịt gà là một món ăn quý giá, cả năm chưa được ăn! Tôi cảm thấy như ăn một bữa giỗ.

Trưa, trường lại bắt mình đi ngủ, có thầy giám thị gác, khổ chưa? Đầu còn chạy bắn đạn, nhảy cò cò? Ngày đầu chưa học, chỉ lo thủ tục hành chánh, chép thời biểu trong tuần, lên Thư Viện lấy sách nhà trường phát cho học trò mượn... Ôi, sách ôi là sách, gần 20 cuốn, dày cộm, ôm ba bốn lần tha về lớp cũng chưa hết. Mình nghĩ trong bụng, mấy anh lớn học trong trường này giỏi là phải, vì sách nhiều quá, sau này khi ra trường, mình cũng sẽ giỏi như mấy anh đó. Do vậy, tôi thấy trong lòng sung sướng, hân hoan, lại thấy mấy anh lớn nghiêm nghị quá nên lòng dặn lòng rằng từ nay mình phải bắt đầu tập ít nói, ít cười, tập làm nghiêm cho ra vẻ ta đây là người lớn.

Đến 5 giờ chiều, chuông reng ra về, thầy giám thị đến đón học sinh bán nội trú đi đến lớp để tự học. Ngày đầu chưa có bài vở, nhưng lo sắp xếp sách, tập, cũng hết giờ. Bảy giờ tối đến, sau tiếng chuông reo, mạnh ai nấy ôm mấy cuốn sách nặng kè kè, lớp bỏ trong cặp, lớp cột thêm trong bao, còn bao nhiêu bỏ lại trường để mai một đem về tiếp.

Bài vở, toàn giảng dạy bằng tiếng Pháp, trừ giờ tiếng Việt, một tuần 2 tiếng. Bài học, giáo sư đọc hay giảng như nước chảy, học trò theo đuổi trôi chết mới kịp ghi vào giấy nháp, xong rồi phải chép lại cho sạch để học, chỗ nào ghi không kịp, mượn bạn bè để chép lại, nhứt là giờ Sử, Địa. Có sách nhà trường phát, nhưng thầy không dạy theo đó, thầy ứng khẩu giảng bài, học trò ghi kịp hay không, thầy không cần biết.

Lúc này, tánh tình tôi quẹo qua một hướng khác, các trò khuấy phá cũng lần lần tan biến. Thật ra, muốn phá phách cũng không có thời giờ. Bài vở quá nhiều, suốt ngày

từ sáng đến tối ở trong trường, về đến nhà là 8, 9 giờ tối, lay hoay ăn uống, học bài rồi đi ngủ, để mai dậy đi nữa. Từ nhà đến trường gần 20 cây số, đi xe đạp loại xe con nít, một chiếc xe cũ kỹ, tôi đã xài mấy năm nay để đi chơi vòng vòng, bây giờ anh tôi sửa sang lại cho tôi. Nhờ nghỉ ngày thứ năm và chủ nhật, có thời giờ giặt quần áo, sửa xe, làm bài vở.

Từ khi không ở nhà ông bà nuôi nữa, tôi vẫn thỉnh thoảng ghé chơi.

Ngày nghỉ học, những lần tôi qua lại trước nhà bà, bà thường đón tôi, chỉ mâm cơm trên bàn :

- Bà đợi con từ sớm tới giờ, ăn đi con!

Trong khi bà bới cơm cho tôi, bà dặn thêm:

- Chúa nhật, có ông ở nhà, con lên ăn cơm với ông!

Gặp ông, ông cười cười, dặn bà:

- Bà nó coi có gì lấy thêm cho nó ăn!

Lâu lâu, tôi chạy lên nhà bà hỏi có việc gì cần làm giúp, bà mừng lắm. Nhầm kỳ lãnh lương, bà không quên nhét vài xu vô túi tôi, để ăn vặt. Nhờ vậy, khi học bán nội trú, sau 5 giờ chiều tan lớp, phải xuống phòng tự học. Tôi quen ăn cơm 5, 6 giờ chiều, nay phải đợi đến 8 giờ tối mới về tới nhà ăn cơm, nên giờ đó đói lắm. Nếu có chút bánh đỡ bụng thì tuyệt.

Cũng dễ giải quyết thôi. Mấy ông nhân công quét dọn đã chuẩn bị sẵn rồi: có đủ thứ bánh, bánh in, bánh bèo, cốm ... dẫu dưới chổi, nùi giẻ, xà bông... trong phòng đồ nghề của mấy ông, mình phải đi kiếm mấy ông, chui vào trong phòng chật hẹp đó, mà không được đi đông người, rủi lộ ra, mấy ông mất việc, mình mất chỗ mua bánh; có lúc phải gác giùm cho mấy ông, không để cho giám thị bắt được. Đâu phải riêng đám học sinh mới này, mấy anh lớn

hơn mình cũng đói như mình vậy. Và không phải bữa nào cũng mua, tiền đâu có để mua mỗi ngày?

Từ khi anh Sáu tôi đi rồi, tôi dùng chiếc xe đạp của anh, nhờ đó tôi bỏ được chiếc xe tí hon kia. Vì chiến tranh, không còn vô ruột xe đạp nữa: hàng nhập cảng từ Pháp không qua được, trong nước chưa thể làm ruột xe, bánh xe. Một số xưởng địa phương chế ra bánh xe đặc, giống như vỏ bánh xe ngựa. Vỏ phải hẹp hơn cỡ niềng xe đạp một chút, muốn gắn vô, phải nong ra cho nó ôm niềng xe. Loại vỏ này đi tung lăm, không chạy được mau, đi lâu ngày cao su nở ra, vỏ lỏng, sút ra chỉ còn niềng xe không, phải ngừng lại, xuống lượm gắn vô, ráng chạy nữa, chạy chậm chậm, cho đến khi về tới nhà hay tới trường.

Có khi cao su giãn quá phải cắt bớt cho ngắn lại, lấy kẽm móc hai đầu lại cho dính với nhau. Chạy một thời gian, kẽm văng ra, phải xuống lượm vỏ xe và đẩy bộ xe đến trường hay về nhà.

Phần nhà nghèo, tôi chỉ có hai bộ đồ bà ba mặc trong tuần lễ đi học 5 ngày: đi học thứ hai, thứ ba, thứ tư, nghỉ ngày thứ năm, đi học lại thứ sáu, thứ bảy. Gặp ngày mưa là bị ướt nhoi, xe đạp không có về, nước dơ văng lên đầy mặt, đầy mình.

Có lúc quần áo quá rách, tôi chỉ có một bộ đồ đi học mà thôi; gặp bữa trời mưa, đi học về tối, mình mẩy ướt hết, khi về đến nhà, việc đầu tiên là phải ngâm giặt đồ liền, nhờ mấy chị em phụ đốt lửa than, bỏ vô bàn ủi (bàn ủi than), ủi cho khô để mai có quần áo mặc đi học tiếp.

Gặp cha lần cuối

Vì quần áo thiếu thốn như nói trên, một ngày nọ, bà nuôi tôi có kêu tôi vô nhà bà, bà tỏ ra thương hại tôi:

- Con à! Con không đủ đồ bạn đi học, hiện giờ ba con đang về nằm ở nhà bà lớn ở Bà Chiêu dưỡng bệnh, con đến thăm ba con, rồi sẵn dịp xin ông tiền mua vài may quần áo đi con!

Nghe lời bà, tôi đến thăm ba tôi, lúc đó, ông đang nằm trên một chiếc giường tại phòng khách. Nghe tiếng có người bước vô, ông ngoảnh mặt lại.

- Thừa ba, con nghe nói ba về dưới này dưỡng bệnh nên đến thăm ba!

Ông ừ hử qua loa, rồi ông quay hỏi về việc học của tôi:

- Học lớp mấy rồi?

- Dạ con còn hai năm nữa thi bằng Diplôme! (bằng Trung Học Đệ Nhứt Cấp)

Ông lấy tay vói lên bàn đầu giường, rút ra một tờ báo Pháp cũ, tờ La Dépêche Quotidienne, chỉ một trang báo biểu tôi đọc. Tôi không sợ đọc chữ Pháp vì trong lớp, mỗi lần có bài chúc Tết cho giáo sư, tôi được anh em chọn để đọc, tôi cầm lên đọc cho ông nghe một hơi...

Sau khi tôi đọc xong mấy hàng: "Référant à un ordre authentique du gouvernement français, je remet les pouvoirs que je détiens au Vice Amiral d' Escadre Decoux..", ba tôi biểu tôi dịch ra cho ông nghe.

Tôi cảm thấy chói với, tự nghĩ: "Trời, hồi nào tới giờ mình học nào là Racine, Corneille, Molière..., mấy tác giả nổi tiếng của Pháp, có bao giờ gặp mấy chữ này đâu, "référant" là gì, "authentique" là gì, "vice amiral" là gì, sách của Lamartine, Victor Hugo có giúp gì được cho tôi đâu, tôi bối rối quá, thú thiệt với ông:

- Con chỉ hiểu vài chữ trong đó thôi, như "je remet les pouvoirs que je détiens"..., còn bao nhiêu con không hiểu...

Ông chê tôi:

- Học chữ Tây như vậy mà học cái gì, đọc mấy chữ mà cũng không hiểu!

Xong đó, ông giải thích dài dòng cho tôi từng chữ một, để cho biết câu đó như sau: "Chiếu theo lệnh chánh thức của chánh phủ Pháp, tôi trao quyền tôi nắm giữ cho Phó Đề Đốc Decoux"...

Ông còn nói dài dòng cho tôi hiểu rõ tại sao ông Catroux từ chức để trao quyền cho ông Decoux:

Vào năm đầu thế chiến 1939-1945, tướng Catroux được chánh phủ Pháp chỉ định làm Toàn Quyền tại Đông Dương (tháng bảy năm 1939). Sau đó, Pháp thua trận với Đức, chánh phủ Pháp thân Đức do Thống chế Pétain thành lập di đô về Vichy (một thị trấn miền Trung nước Pháp), giao thành phố Paris cho Đức chiếm đóng. Vì bất đồng chánh kiến với chánh phủ Vichy, tướng Catroux bị giải chức vào cuối năm 1940 để trao quyền lại cho Phó Đề Đốc Decoux, người của chánh phủ Vichy.

Đó là câu chuyện trên do ba tôi giải thích.

Lúc ra đi thăm ông, tôi hăng hái bao nhiêu, đến khi gặp ông già "xùng sộ" về chữ Pháp, tôi mất tinh thần bấy nhiêu, không dám nói câu nào hơn, cả việc xin tiền mua vài may quần áo. Nhưng tôi cũng có chút an ủi là đem chút niềm vui cho ba tôi: có lẽ ông nằm trên giường bệnh cả ngày không người thăm hỏi, nay bỗng nhiên có thằng nhỏ con ông đến để nghe ông "thuyết trình" về tình hình thế giới... Hồi nào cho đến lúc đó, chưa bao giờ ông nói chuyện với tôi hơn một câu, và đó là lần chót tôi gặp ba tôi; năm sau ông mất.

Trên đường đi bộ về nhà, tôi suy nghĩ nhiều về cách học của tôi. Nhớ lại mấy năm về trước, lần đầu tiên nghe mấy bà "vợ Tây" nói tiếng Tây "bồi", tôi phục quá, họ không học trường nào mà sao lưu loát quá, "toa ba bảy đế,

moa ba đờn nê lạc lê". (Toi pas payer, moi pas donner la clé: mầy không trả tiền tao, tao không giao chìa khóa nhà).

Và hôm đó, tại nhà ba tôi, tôi cũng không dịch nổi một hàng chữ Pháp trên báo, như vậy chữ Pháp tôi học chỉ là từ chương, chưa thể đem ra thực hành. Điều suy nghĩ này làm cho tôi buồn lòng không ít...

Sơ lược lịch sử về Thế Chiến Thứ Hai *

Trận thế chiến thứ hai bùng nổ năm 1939 tại Âu Châu khi Đức đánh chiếm Ba Lan.

Tháng Tư, 1940, Đức tiến chiếm Hòa Lan và Na Uy (Norway).

Ngày 3 tháng Sáu cùng năm, Đức tiến quân đánh Pháp như vũ bão với hai ngàn chiến xa. Pháp đầu hàng. Thống chế Pétain, vị anh hùng Thế Chiến 1 của Pháp, đứng ra ký kết đình chiến ngày 22 tháng Sáu 1940. Chánh phủ Pétain di đô về Vichy, trong khi đó tướng De Gaulle qua Londres (Anh Quốc), tuyên bố tiếp tục chiến đấu chống Đức.

Tại Đông Dương, lợi dụng sự yếu thế của Pháp, Nhật yêu sách cho quân đội Nhật lập căn cứ làm điểm chuyển quân. Hiệp ước ký ngày 22 tháng Chín, 1940 giữa Nhật và toàn quyền đại diện chánh phủ Vichy tại Đông Dương, Jean Decoux, cho phép Nhật được dùng căn cứ chuyển quân từ 6,000 người đến tối đa là 25,000, không được thiết lập căn cứ quân sự.

Nhưng đến ngày 25 tháng Chín, tức ba ngày sau, Nhật thả bom và chiếm Lạng Sơn, Lào Cay, Gia Lâm, Hải Phòng. Chánh phủ Pháp tại Đông Dương vẫn còn nắm quyền cai trị ở Đông Dương, nhưng chỉ còn là bù nhìn.

Nhờ các căn cứ này, Nhật đã làm điểm xuất phát để đánh quân đội Đồng Minh Anh, Mỹ. Họ cho máy bay đánh

chìm hai chiến hạm lớn nổi tiếng của Anh là Prince of Wales và Repulse ngày 8 tháng 12, năm 1941, ngoài khơi bán đảo Mã Lai. Sau đó, họ tiến chiếm Mã Lai, Singapore và các nước Á Châu khác.

Quân đội Nhật thắng như chẻ tre, nhờ Không Quân áp dụng một chiến thuật mới trong hai năm 1944-1945.

Theo chiến thuật này, họ dùng đội máy bay cảm tử Thần Phong, gọi là Kamikazé, lao vào tàu Anh, Mỹ cho bom nổ trên tàu và phi công chết theo. Giống như ngày nay, người Hồi Giáo đánh bom tự sát.

Bị bất ngờ với lối đội bom cảm tử này, cộng với hải, lục quân hùng mạnh của Nhật, quân đội Đồng Minh trở tay không kịp và tiếp tục nhận thêm thất bại. Nhật lúc đó kể như làm bá chủ Đông Nam Á.

Năm 1944, Nhật cho quân ồ ạt hơn vào Việt Nam từ Bắc đến Nam, tuy nhiên họ vẫn để chánh quyền Pháp cai trị Đông Dương.

(* Theo tài liệu tham khảo từ Wikipedia)

Vì cần doanh trại đóng quân, đa số trường học bị sung công. Tại trường Pétrus Ký, họ chỉ lấy sân vận động của trường làm chỗ đóng quân, do đó việc giảng dạy không bị ảnh hưởng nhiều.

Việc Học

Năm đó, tôi tốt nghiệp bằng Thành Chung và đậu thi tuyển vào Ban Tú Tài. Tình cảnh nhà nghèo, mồ côi cha mẹ, nhờ số điểm khá cao, tôi được tiếp tục cấp học bổng vào bán nội trú như trước, ăn trưa miễn phí trong trường. Một chân trời mới mở rộng cho tôi với đầy ước mơ của tuổi trẻ.

Tuy nhiên sau đó, quân đội Nhựt chiếm toàn thể doanh trại của trường. Trường Pétrus Ký phải dời về Trường Sư Phạm, gần Sở Thú và sở Ba Son. Phạm vi nhỏ hẹp của trường Sư Phạm không cho phép trường Pétrus Ký có nội trú và bán nội trú, chỉ còn ngoại trú thôi.

Nhớ lại bốn năm trung học tại trường Pétrus Ký ở Chợ Quán, tôi cảm thấy lưu luyến vô cùng khi phải rời mái trường cũ. Kỷ niệm xưa nhắc lại thấy buồn vui lẫn lộn!

Về việc học, một ít giáo sư gây ấn tượng lâu dài vào đời học sinh.

Thầy dạy mà tôi quý mến nhất là giáo sư Phạm Thiều. Ông dạy Việt văn một tuần ba giờ và Hán văn mỗi tuần một giờ.

Có người nói ông là người Bắc, đúng ra quê ông ở Hà Tĩnh, người ông ốm, nhỏ thó, trán rộng, xương quai hàm to, mắt trong sáng, tiếng nói rang rang, làm tăng vẻ uy nghiêm của ông. Thơ văn nào, ông cũng dạy rất hấp dẫn, nhất là truyện Kiều. Khi giảng bài, ông sống trong câu chuyện, nhìn lên cao ngó trên trần hồi lâu, có khi ngó xuống đất nhắm lim dim đôi mắt.

Không những ông giỏi Việt văn, Hán văn ông rất tinh thông. Ông là người đã gieo mầm móng yêu thơ và văn chương Việt Nam cho lớp học chúng tôi.

Khi học năm thứ hai, có giáo sư Pháp Văn tên là Nguyễn Văn Lúa, ông du học Pháp về, đậu Cử Nhơn Văn Chương Pháp (licencié-ès-lettres), có vợ người Pháp. Ông thường ca tụng nền văn hóa Pháp, và luôn luôn nhắc mỗi khi giảng bài về Văn Học Pháp:

"La pensée française est une pensée chrétienne".

(Tư tưởng Pháp là tư tưởng theo Thiên Chúa Giáo).

Ông khó vô cùng và ít học sinh nào được ông chấm trên 10 điểm (điểm chấm từ 0 đến 20). Bài của học trò, ông sửa nát, đồ lôm trên giấy. Lúc học với ông này, nhiều người mất tinh thần và thôi chí.

Đến năm thứ ba, có giáo sư dạy tiếng Pháp tên Le Gros (người Pháp), ông này tánh tình bất thường, vui buồn không biết lúc nào, theo danh từ ngày nay là "mát", "chạm điện".

Thường khi chuông reng vô lớp, học trò sắp hàng ngoài hàng ba, chờ giáo sư đến, cho phép, mình mới được vô. Một ngày đó, là giờ thi Dictée (Chánh Tả) với ông. Ông vừa từ sau đi tới vừa nói:

"La pêche à la ligne", point à la ligne.

(có nghĩa là "Câu cá bằng cần câu", tựa đề bài thi chánh tả, và xuống hàng).

Học trò chơi với, mạnh ai nấy chạy mau về chỗ ngồi của mình để viết cho kịp, ông cũng không cần biết ai viết kịp ai không, ông cứ thản nhiên đọc tiếp.

Một lần khác, ông kêu một trò lên bảng bằng cách cung tay đập xuống bàn hai lần, không ai hiểu gì, ông nói tiếp: "Au tableau" (Lên bảng) và ông đập lên bàn như trước. Học trò ngó nhau, không hiểu, ông bước đến chỗ anh Lê Văn Bầm ngồi, nắm cổ áo xách đứng dậy và hỏi tại sao kêu tên Bầm mà không chịu lên bảng. Ý ông muốn nói ông đập lên bàn "bầm, bầm", là ông gọi anh Bầm.

Không phải ông ghét anh Bầm, đó là ông muốn đùa, nhưng lại không cười. Anh Bầm ngồi bàn trên cùng, tên anh cũng hơi đặc biệt, nên nhiều giáo sư dễ quen mặt anh, anh hiền lành, ít nói, học giỏi.

Cả lớp nhìn nhau, lắc đầu cho ông giáo sư khùng khùng này. Năm đó là năm thứ ba rồi, đến năm tiếp là thi lấy bằng Thành Chung, gặp giáo sư như vậy, học sinh làm

sao khá nổi, hơn nữa, Pháp Văn là môn chánh nhứt trong mấy môn thi?

Về môn Địa Dư, có Giáo Sư Nguyễn Văn Thành: khi đến lớp, ông giảng bài thao thao bất tuyệt (lẽ tất nhiên bằng tiếng Pháp). Ai chép kịp ai không, thầy không để ý. Đến kỳ tới, khi vô lớp, ông cứ lấy cây viết chấm trên sổ tên học trò từ trên xuống dưới, lồi phân nửa, kêu lên trả bài; kỳ sau nữa, ông kêu tiếp, mỗi lần, mỗi người lên trả bài khoảng hai, ba phút, người kế tiếp lên trả tiếp theo: ai cũng phải ráng học thuộc bài của ông, dài cả bảy, tám trang giấy học trò.

Thỉnh thoảng, ông bắt nộp tập viết lên cho ông xét, kiểm soát cách vẽ bản đồ.

Một bữa đó, sau khi học trò nộp đủ tập cho ông, ông xem từng cuốn, đến một cuốn tập, ông ngừng đầu lên, tỏ ra giận dữ:

- Qui est ce crétin qui s'appelle Lê Văn Mỗ Gà?
(Thằng quỷ nào tên là Lê Văn Mỗ Gà đây?)

Cả lớp cười rùm lên và nhôn nhao ngó qua lại, không biết là ai. Đến khi anh trưởng lớp lên, anh đưa cuốn tập cho cả lớp xem, tôi nhận ra là tập của tôi.

Có lẽ thầy nghĩ rằng tôi bất kính đối với thầy, thầy nói lớn:

- Zéro encadré! (0 đóng khung)

Học trò trường Pétrus Ký sợ nhứt là "zéro encadré". Khi bị cho điểm này, học sinh không những bị điểm 0, còn bị phạt chủ nhứt phải vô trường, học bài từ sáng cho đến trưa mới được về.

Tại sao có sự việc này? Tôi rất sửng sốt, rồi bình tĩnh nhớ lại: là lúc tôi ghi tên lên tập, khi viết xong hai chữ đầu Lê Văn, tôi phải ngưng để làm gấp việc gì đó, rồi quên hẳn, sau này khi cho mượn tập để bạn bè chép bài học với

nhau, có bạn nào ghi thêm vào "Mỡ Gà", tôi không biết cũng không để ý, vì lâu lâu mới có nộp tập một lần.

Sau vụ này, bạn bè đặt cho tôi một tên khác: "Lê Văn Mỡ Gà".

Dù sao, tôi xin ghi khắc trong tâm khảm công lao các vị Thầy khả kính đã giảng dạy chúng tôi và xin đốt nén hương lòng để tưởng nhớ đến ơn quý Thầy:

- Giáo sư Nguyễn Văn Chi, Pháp văn;
- Giáo sư Trần văn Quế, Sử học; (không nhớ chắc họ Trần hay họ Nguyễn)
- Giáo Sư Ngô Ngọc Đồi, Toán học;
- Giáo sư Phạm Thiều, Việt và Hán văn
- Giáo sư Nguyễn văn Thành, Địa dư.

"Những người muôn năm cũ,
Hồn ở đâu bây giờ?" (Thơ Vũ Đình Liên)

Quên đi kỷ niệm, đã đến ngày tựu trường.

Mộng vào học bán nội trú miễn phí của tôi tại mái trường cũ không thành; ngày ngày, tôi đạp xe đến trường Pétrus Ký nằm trong doanh trại của trường Sư Phạm. Khác với ban Trung Học, lớp Tú Tài có gái trai lẫn lộn. Nhà tôi cách trường lối 8, 9 cây số thay vì 18 cây số như hồi còn ở Chợ Quán.

Cùng lúc đó, các anh học lớp trên khởi sự đặt nhạc kêu gọi lòng ái quốc. Đến giờ tập thể dục, các anh vừa đi vừa hát vang lên bài Marche des Étudiants (Sinh Viên Hành Khúc):

"Etudiants, l'appel du sol tenace ..."

(Này sinh viên ơi! đứng lên đáp lời sông núi).

Phong trào sinh viên, thanh niên nẩy mầm từ đó.

Cùng thời gian này, Đồng Minh bắt đầu đội bom xuống quân đội Nhật ở Việt Nam.

Sài Gòn bị báo động nhiều lần.

Hai ba tháng sau, một buổi sáng khoảng 11 giờ, có tiếng còi hụ báo động. Học trò được dẫn xuống hầm trú ẩn bên Sở Thú, ngang trước mặt trường. Tiếng máy bay của Mỹ, lúc đó người ta nói là B 29, nghe gần, tiếp theo là mấy loạt nổ long trời lở đất do bom thả xuống gây ra, trải dài từ Dinh Toàn Quyền đến Sở Thú. Hầm chỗ chúng tôi trốn, trong đó có khoảng hơn 200 học sinh, có một đôi khúc bị sập nóc nhưng không trúng mảnh bom, một số học sinh bị thương vì nắp hầm dè.

Xe cứu cấp bộp kèn in ỏi chạy đến nơi bom nổ ... Lối nửa giờ sau, có tiếng còi hụ cho biết hết báo động. Học trò được cho về, người nào người nấy hồi hả chạy về nhà để báo tin cho gia đình biết mình bình yên.

Cuộc đời học sinh tiếp diễn trong cảnh chiến tranh và chạy trốn bom cho đến một ngày...



Chương 6

Đất Nước Chuyển Mình



Ngày 9 tháng 3, năm 1945

Một ngày lịch sử, ngày đổ đảo lộn cả cuộc đời tôi, không riêng tôi, mà toàn dân Việt Nam...

Đêm trước, trời nóng bức, tôi đem ghế bố ra ngoài sân, giăng mùng ngủ gần tấm vách đất. Nhà tôi là nhà lợp lá, vách làm bằng đất sét pha trộn với rơm, bên trong có sườn bằng tre để giữ vững vách khỏi đổ xuống, giống như nhà gạch xây tường có lót cốt sắt bên trong.

Khoảng 3, 4 giờ sáng, có tiếng súng lớn nhỏ nổ đều khắp khu Bình Hòa của tôi. Mọi người trong nhà hết hoảng, thức dậy chạy tìm nơi trú ẩn, người này ngó người kia không hiểu việc gì xảy ra?

Gần sáng, có người ngoài đường chạy về báo cho lối xóm hay:

- Bà con ơi! Nhựt Bồn đảo chánh Tây!

Và cho biết thêm là quân đội Nhựt có rải và dán truyền đơn khắp đường kêu gọi bình tĩnh, hợp tác với quân đội Nhựt để giải giới và bắt Tây giao nạp cho Nhựt. Các

ngã tư đường đều có lính Nhựt đứng gác, súng hờn sẵn sàng nhả đạn.

Đợi đến sáng, tôi đạp xe đi một vòng cho biết sự tình và về báo cáo lại:

- Ghê quá, ngã tư nào cũng có một tốp lính Nhựt đứng sau ụ đất, súng cầm trên tay, hòng súng đen ngòm chĩa vào người qua lại. Ai đi xe đạp phải nhảy xuống đất xe đi bộ, có mấy người không để ý, đi sát lính Nhựt núp sau mấy gốc cây, có tiếng la lên cả tràng tiếng Nhựt, không ai hiểu gì, chỉ thấy thiên hạ hoảng chạy văng guốc dép cùng đường.

Chợ không nhóm. Trường tạm đóng cửa, giáo sư, giám đốc trường người Pháp bị bắt đi. Một chánh phủ mới, chánh phủ Trần Trọng Kim, thân Nhựt, ra đời, kêu gọi người Việt hợp tác với Nhựt để tái thiết quốc gia.

Trường Pétrus Ký tạm đóng cửa vì không có giáo sư Pháp để dạy. Sẵn dịp, có anh bạn học cùng lớp, nhà ở Phan Rí, tên Lý Văn Viên, muốn về quê thăm nhà, anh rủ tôi đi. Phương tiện: xe đạp, vẫn chiếc xe đạp "cà khồ" của tôi, bây giờ có vỏ ruột đàn hoàng, không phải vỏ đặc như mấy năm về trước.

Xe đạp của Viên cũng không khá gì hơn. Đường dài: Sài Gòn-Phan Thiết, 200 cây số (hơn 120 dặm), và Phan Thiết-Phan Rí, 72 cây số (non 50 dặm). Đây là Quốc Lộ 1, chạy từ Nam ra Bắc.

Đêm tối trước ngày đi, tôi và Viên chạy lên Biên Hòa, tỉnh ngủ đêm nhà người bạn, Đỗ Cao Hoàng, để đỡ một đoạn đường Sài Gòn-Biên Hòa; 30 cây số. Sau này, tôi mới biết Đỗ Cao Hoàng là bà con với tướng Đỗ Cao Trí.

Chúng tôi lần mò tìm đến theo địa chỉ cho trước, và may mắn gặp Hoàng ở nhà. Gia đình tiếp đón niềm nở, cho ăn một bữa cơm chiều thật ngon. Tối lại, anh em chúng tôi

lăn ra gạch bông nhà Hoàng ngũ để sáng mai đi chặng đường Biên Hòa, Phan Thiết, 170 cây số.

Trên đường thiên lý

Trời hừng sáng là hai tay yên hùng này đã leo lên lưng con ngựa sắt, đồ đạc vồn vện mỗi đứa một cặp đựng quần áo vừa đủ máng lên xe. Đạp, đạp ..., chỗ nào vắng, hai anh em chạy đua cho đỡ ngán, đi một đôi là tới Xuân Lộc, hai bên Quốc Lộ 1 là rừng.

Không có xe cộ nào, lâu lâu thấy bóng dáng người đi bộ vác cây rừng đốn từ trong xa. Sẵn có quán lá bên đường, hai anh em chúng tôi tập vô mua mấy cái bánh ú để đỡ lòng và uống tô trà Huế. Cũng lạ là sao hồi đó mình không nghĩ đến việc đem theo đồ ăn nước uống?

Nói về tô trà Huế, có lẽ ngày nay người ta không còn bán trà Huế nữa nên các bạn trẻ sau này không biết về tô trà Huế.

Tôi không hiểu từ đâu có chữ "trà Huế", vì trà này không phải là trà xuất xứ từ Huế. Thường trong Nam. ở ngã tư đường hay các xóm lao động, có những quán xập xệ dựng lên dựa vào vách tường một căn nhà nào đó, hoặc những quán nhỏ bằng tranh hay lá thô sơ bên lề đường, nơi đó có bán chuối chín hay bánh ngọt, và trên bàn có bày ra một số tô đựng sẵn nước lạnh lên đến hai phần ba tô.

Phía trong, luôn luôn có một cái siêu, hay cái ấm, đun nước lên sôi, trong đó có sẵn trà nấu đậm. Khi có khách kêu một tô trà Huế, chủ quán lấy siêu nước trà chế lên tô có đựng nước lạnh, pha nước vừa đủ ấm cho khách.

Đa số người đến quán là người dân lao động, thợ thuyền hay phu xe. Đang làm mệt nhọc hay sau một cuộc xe, người lao động ăn một chút bánh ngọt hay bánh ú hoặc chuối; sau đó, uống một tô nước trà Huế, rẻ tiền vừa no vừa

đã khát, họ còn lấy nón lá trên đầu xuống quạt cho mát trong buổi trưa nắng của miền Nam.

Đó là một cảnh sống của giới bình dân, họ đâu có thời giờ và tiền bạc để thưởng thức từng tách nhỏ nước trà thơm như người giàu tiền của!

Trở lại cuộc hành trình của chúng tôi.

Khi mặt trời đứng bóng, xe đi được gần nửa đường, có chỗ vắng quá, qua khỏi Dầu Giây rồi, hai anh em đạp nước rút và đua với nhau. Khuất một khúc quanh, tôi bị rớt lại vì xe đứt dây sên, kêu hoài mà Viên cứ lo chạy nước rút phía trước không nghe.

Tôi ngồi xuống đường lượm khúc dây sên bị đứt nhưng không tìm thấy mấy con tán văng ra. Viên chạy một lúc không thấy bóng tôi theo sau, quay lại tìm. Tôi vội nói:

- Tao tưởng mày chạy tới Phan Thiết rồi chứ! Đứt sên rồi bỏ ơi!

Hai đứa lum khum nhau tìm cách để sửa. Viên nói:

- Đường khúc này vắng quá, không ai giúp mình được, thôi để tao kéo mày chạy tới đâu hay tới đó, rồi kiếm chỗ sửa.

Thế là hai anh em vô bìa rừng, tìm được một khúc dây mây tươi, Viên đạp, kéo xe tôi chạy theo. Chạy một đôi chừng 10 cây số, thấy có bóng người đốt rừng phía trong, chúng tôi vưng bụng đôi chút. Lại có quán lá bên đường, có người ăn uống nói cười, ngoài ra, lại có chú sửa xe đạp để thùng đồ nghề gần đó, gồm một ống bơm, một thau nước và kềm búa lật vật.

Mừng quá, hai anh em nhờ sửa sên xe...; trong khi chờ đợi, chúng tôi bước qua quán ăn chuối, bánh ngọt, uống nước. Hà hê quá chừng!

Nghĩ đến còn một đoạn đường rừng lối 80 cây số nữa mới tới ven thành phố Phan Thiết, hơi ngán ngán, lại

còn phải chạy ngang qua Rừng Lá, chỗ này nổi tiếng cộp thường ra, theo như người ta nói: "Cộp Phan Thiết, ma Bình Thuận (Bình Thuận là toàn tỉnh Phan Thiết). Lúc đó là 4 giờ chiều rồi, mình chưa ra khỏi đoạn rừng này, trời sẽ tối. Hai đứa chạy trong đêm hôm vắng vẻ, lòng vô cùng hồi hộp, thỉnh thoảng nhìn kỹ hai bên đường xem có cộp nào đợi mình hay không?

Đạp, đạp ... ráng đạp, kỳ này không dám đạp mạnh để đưa nữa, rủi bứt sên, càng khổ hơn.

Tôi dặn Viên:

- Mày ngó chừng bên mặt, tao ngó bên trái, xem có nó thì cho hay!

- Nó là ai? - Viên hỏi.

- Còn ai nữa, cộp chớ ai !

- Ở đây, mày phải kêu là Ông 30 - Viên vội vàng cho tôi biết.

- Sao kỳ vậy? Cộp thì kêu cộp chớ sao kêu Ông 30?

Viên trầm tĩnh:

- Mấy người đi rừng dặn phải kêu là Ông 30, ông mới không bắt mình ăn thịt! Ba mươi là trời tối, không có trăng, là lúc mấy ông ưa ra. Mà mày biểu canh chừng mấy ông để làm gì?

- Thấy nó, mình "de" (lui) cho lẹ - tôi rụt rè trả lời.

Viên cười lớn:

- Mày ngu! Mày tưởng mày chạy kịp mấy ông hả? Trời, tao thấy trong ciné, hề mấy ông rượt con thú nào là chạy đằng trời hồng khỏi đó mày!

Tôi thối chí:

- Vậy thấy nó, mình làm gì?

Viên cần nhần:

- Đã dặn phải kêu bằng Ông Ba Mươi, mà mày cứ kêu bằng "nó" hoài. Lâu lâu mấy ông mới ra một lần chớ phải mỗi ngày đâu mày, tới chừng đó thì tính!

Tôi ngập ngừng:

- Phải biết xe đứt sên, đi xe đồ cho sướng há!
- Mày cứ kêu bằng Ông Ba Mươi cho tao, không sao hết! - Viên trấn an tôi.

Bóng tối đường rừng càng phút càng dày đặc. Sau khi nghe Viên dặn cứ nhớ kêu cộp bằng Ông Ba Mươi, tôi lằm thằm trong miệng "ông 30, ông 30...". Tôi cảm thấy vững bụng đôi chút. Nhìn lên trời có sao chiếu chiếu, tôi vừa thở vừa nói với Viên:

- Tối nay, tao thấy mấy ngôi sao trên trời, tao nhớ tới con đầm dạy mình Ăng Lê quá mày!

Viên giục mình:

- Bộ mày điên hả? Bà giáo dạy mình, mày kêu là con đầm, bộ mày tương tư bà rồi hả?

Bà đầm dạy Anh Văn chúng tôi còn trẻ, lại đẹp, thân hình cao ráo, nhìn theo dáng vóc, tôi đoán bà lối 25 tuổi, tôi vội nói tiếp với Viên:

- Tao nói nhớ là nhớ lúc bà dạy mình Ăng Lê kia..., mày có nhớ trong cuốn sách Ăng Lê đầu tiên tại mình học không, Tom in England đó, có bài "Twinkle, twinkle, little star, mày nhớ không?

Viên chân chừ:

- Ừa, rồi sao?

Tôi nói tiếp:

- Mày thấy tối nay, bài "Twinkle, twinkle, little star" (Chiều lên, chiều lên, sao nhỏ bé) hợp với mình không?

Trên trời, sao chiếu sáng lung linh, bỗng tôi đạp xe chậm lại rồi nói:

- Ê, Viên, Viên, có bóng gì đang nhúc nhích xa xa đằng trước kia!

- Đâu, đâu, để tao lấy mắt kiếng ra đeo, tao mới thấy rõ. (vì Viên cận thị).

Sau khi quan sát xong, Viên nói: "Rồi..." và bỏ lưng không nói tiếp.

Tôi nóng nảy hỏi:

- Rồi là sao mà rồi?

- Để tao nhìn kỹ thêm... - xong, anh tiếp - rồi, khỏe rồi đấy, có người vác củi, gần tới xóm nhà rồi.

Thì ra, hai đứa đã qua khỏi Rừng Lá từ lâu. Đoạn đường chúng tôi đang đi là khu đồn củi, người dân ra đây đốt rừng và chặt cây làm củi. Phương xa, trên vùng trời, có ánh đèn sáng của Phan Thiết, hai anh em lum khum đạp rút qua mặt mấy người vác củi. Tôi nhìn họ, lòng vui mừng, hăng hái, muốn nói cảm ơn họ, tưởng chừng như người đó đem lại hạnh phúc cho tôi.

Khi vào được khu bắt đầu lai rai có nhà cửa hai bên đường, hai đứa cảm thấy nhẹ phào. Đạp, đạp, giờ này rồi có đứt dây sên nữa cũng không ngại. Còn 3 cây số nữa mới tới nhà bà con của Viên, tôi hỏi đùa:

- Giờ này mình không thèm kêu Ông 30 mà kêu con cạp được không vậy?

- Tự do, mày muốn kêu sao cũng được! - Viên vui vẻ trả lời.

Khi đến ranh giới thị xã, chúng tôi đã nghe mùi nước mắm xông lên, một lát lâu, mũi quen đi. Về đến nhà là 9 giờ tối, lại cảnh tiếp đón vui vẻ của gia đình ông bà bác của Viên. Sau khi tắm rửa xong, có một bữa ăn thịnh soạn, toàn cá ngon, chiên, nấu canh chua, có nước mắm nhĩ để chấm, thật không uống công một ngày một nhọc lẫn hồi hộp.

Sau này lớn lên, sau khi va chạm với đời, tôi nghĩ lại là Viên có lý khi bảo tôi "kêu cạp là ông 30":

- Mày kêu là ông 30 thì không sao hết!

Thật vậy, bản tánh của con người là sợ hãi khi đối diện với một hoàn cảnh nguy hiểm có thể đe dọa mạng sống. Trong khi mình đang sợ, nếu nghĩ có một bàn tay, một lời nói, một bóng vô hình nào... có thể che chở mình, mình sẽ tin tưởng vào đó để không còn sợ hãi hay ít ra cũng không quá sợ.

Đi trên khoảng đường có thể có cọp, khi thì thầm trong miệng "ông 30", tức là nghĩ rằng cọp sẽ thương mình, không ăn thịt mình, mình không còn sợ nữa. Và nếu thực sự gặp cọp đang kiếm mồi, dù có kêu trăm ngàn tiếng "ông 30", tôi cũng không sao thoát khỏi tử thần. Đó là một cách tự trấn an, đánh tan sợ hãi cho chính mình, một thái độ của mình đối với hoàn cảnh, nhờ vậy mình mới vững lòng tiến tới. Đó là một khía cạnh của Niềm Tin.

Qua ngày sau, chặng đường Phan Thiết đi Phan Rí chỉ dài 72 cây số, hơn 3 tiếng đồng hồ đạp xe, cũng nhẹ. Buổi sáng, chúng tôi có thời giờ đi dạo quanh nhà để xem và hỏi han về cách thức làm nước mắm.

Nhà này to lắm, nơi ở và chỗ làm nước mắm chiếm hai khu riêng biệt cùng trong một sân nhà bằng gạch. Đây là cách làm nước mắm do người nhà giải thích:

"Làm nước mắm, phải dùng lều, gọi là lều nước mắm, tức là bồn bằng cây, lớn như bồn của các hãng xăng, đường kính lối 3 thước, chiều cao lối 2 thước, nắp hờ. Ở Phan Thiết, người ta làm nước mắm bằng cá cơm hay cá nục con; khi đem cá về, họ đổ từng lớp cá lên, cứ một lớp cá là một lớp muối, từ dưới đất lên đến gần miệng lều, xong lấy cây gài lại và ép xuống thật chặt, đậy nắp kín lên và để đó lối 6 tháng. Sau đó, lâu lâu thăm chừng bằng cách vịn vòi ở phía đáy để xem nước mắm nhĩ ra. Khi biết mùi thơm đúng độ (nhờ kinh nghiệm), họ mới lấy ra nước đầu làm nước mắm nhĩ... Xong một đợt, họ đổ nước và thêm muối,

làm thành nước thứ nhì, thứ ba... Đến khi chỉ còn xác cá không, họ đem bán làm phân, rất tốt".

Tỉnh Phan Rí

Đoàn cua rơ hai người lên đường thiên lý. Trời bắt đầu nóng và khô hơn Sài Gòn.

Thành phố Phan Rí nằm trên một vùng đất khô cằn. Rất ít cây lớn, nhà cửa xây cất dọc theo con sông Phan Rí ra cửa biển. Nhà bằng gạch cũng có, nhưng đa số làm bằng nền đất, vách đất, nóc lợp bằng rơm hay ngói. Người dân ở đây sống toàn về nghề biển. Nhà khá giả có ghe bầu đi đánh cá.

Một hình ảnh tôi không bao giờ quên được là dân cư ở đây phần đông đều đau mắt. Có người mất hai mắt, người mất một, hoặc hai mắt đỏ, gọi là bị "bù lạch ăn", không còn lông nheo, mắt người nào người nấy đều nổi gân đỏ, hoặc bị "lông quặm". Có những cô gái trông rất đẹp, nhưng mắt đều bị tí vết, người ta nói nơi đó là xứ cát nhuẩn, trời nóng và gió thổi quanh năm nên dễ bị hư mắt.

Không biết bây giờ, sau hơn nửa thế kỷ rồi, tình trạng mắt của cư dân ở đó có được cải thiện hay không?

Tôi đến, dân chúng dạo chơi quanh khu chợ, không còn người bán rau cải hay cá tươi, nhưng bên ánh lò mờ của đèn dầu, có bán đủ thứ chè quết đặc, chè đậu ngự, đậu rán, và đặc biệt là bánh khọt, một loại bánh giống như bánh bèo trắng trong Nam và tại đây, chỉ ăn với mỡ hành, nước mắm.

Về nước uống, thật là khô sở. Không có giếng nước ngọt.

Ban ngày, tôi theo mấy em nhỏ trong gia đình lên trên mấy đồi cát rất cao, gọi là Gành Sơn (cách nhà 2, 3 cây số), toàn cát và cát. Mấy em nhỏ đem theo cái thùng lồi 10

lít, ngồi xuống cào cát ra làm hình một lỗ sâu như cái rổ nhỏ, ngồi đợi nước nhĩ ra, lối 5, 10 phút có được một chén nước, các em múc đổ vào thùng và chờ nữa.

Không riêng gì mấy em nhỏ trong nhà tôi ở, có nhiều đứa nhỏ độ 9, 10 tuổi cũng lấy nước như vậy để đem về nhà, đổ vô lu to hơn và chờ lắng xuống để uống.

Như vậy, đi, về, cộng với thời gian chờ múc nước là gần hết ngày mới có được lối 10 lít nước. Đã vậy, trên đồi cát, không một bóng cây, nắng chang chang cả ngày, em nào em nấy đen thui, nhưng xem chúng nó rất thích thú, vì trong khi đợi nước chảy ra, chúng xúm lại bày trò chơi với nhau.

Trong khi ra Phan Rí ở tại nhà Viên, tôi và Viên vẫn ngóng trông tin tức từ Sài Gòn cho hay khi nào trường mở cửa để về học. Đã hơn 15 ngày rồi, chưa có tin tức nào cả. Đồng Minh vẫn tiếp tục dội bom Sài Gòn, và nghe nói đường xe lửa gần Sông Mao (Phan Thiết đi ra) cũng bị dội bom.

Sau gần một tháng nghỉ hè bắt buộc tại tỉnh đồng khô cỏ cháy này, tôi với Viên quyết định trở về Sài Gòn, bằng xe đò, kết thúc chuyến đi miền Trung.

Tuổi trẻ lên đường

Trở về Sài Gòn, bạn bè sinh viên tựu họp để làm "một cái gì" trong khi chờ đợi đi học trở lại, như Nguyễn Công Trứ có nói:

"Đã sanh ra đứng trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông."

Phong trào "Dạy Mù Chữ" đang rầm rộ nổi lên, tôi và một số bạn học xung phong dạy học, dạy đánh vần "i tờ, tờ i ti". Đây là những lớp dạy cho mọi lứa tuổi; già, trẻ, bé, lớn đều được huy động học đọc và viết chữ Việt Nam.

Đồng lúc đó, chúng tôi tập trung nỗ lực vào việc cứu giúp đồng bào ngoài Bắc chết vì nạn đói. Theo được biết, hơn triệu người chết vì không có gạo ăn. Dân quê bỗng bẻ nhau lên thành thị để rồi ngã gục chết bên đường vì quá đói. Báo chí cho thấy cảnh chiếc xe đẩy tay đi trên đường phố để thu nhặt xác chết. Người ta nói quân đội Nhật lấy đất trồng cây đay để làm bao bố đựng cát đất làm hầm hố, do đó, nhà nông không còn đất để làm ruộng cấy lúa, không hiểu đúng không? Cũng có tin nói rằng Nhật lấy gạo làm củi đốt chạy máy đèn?

Chúng tôi vẽ biểu ngữ, đi treo khắp phố phường:

"Máu Chảy Ruột Mềm",

"Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

Chúng tôi kêu gọi và nhận tiền các nhà hảo tâm cứu giúp. Thảm kịch về nạn đói này đã được nhà văn Vũ Anh Khanh mô tả rõ trong quyển sách "Nửa Bò Xương Khô" của ông.

Ngoài ra, chúng tôi còn tham gia đóng kịch gây quỹ và kích động lòng yêu nước của dân chúng, như tuồng Kinh Kha thích khách Tần Thủy Hoàng, các hoạt cảnh như Hội Nghị Diên Hồng, Bạch Đằng Giang, Huyền Trân Công Chúa.... Tuổi trẻ tham gia rất đông và hăng hái, nam nhiều hơn nữ, nhờ đó, số bạn bè càng đông hơn. Khi tập tuồng hay hội họp, phải lựa nhà nào rộng lớn và có cha mẹ để đãi vui lòng cho phép.

Nhật vẫn trên đà thắng thế khắp chiến trường Đông Nam Á...

Nào ngờ, ngày 6 tháng Tám 1945, (gần 5 tháng sau ngày họ đảo chánh Pháp ở Việt Nam), Mỹ thả trái bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima, làm 80 ngàn người chết, 75 ngàn người bị thương.

Mỹ đòi Nhật đầu hàng vô điều kiện. Nhật chưa chịu thua. Ba ngày sau (9 tháng 8), Mỹ thả tiếp trái bom nguyên tử thứ nhì xuống Nagasaki, 40,000 người chết.

Ngày 15 tháng 8, 1945, tức một tuần sau trái bom thứ nhì, Nhật Bỏ đầu hàng.

Trong khi đó, đa số sinh viên tham gia Phong Trào Thanh Niên Tiền Phong, với cờ vàng sao đỏ, đứng lên tranh đấu cho tự do, độc lập, khỏi sự đô hộ của người Pháp đang hăm he trở lại. Thanh Niên Tiền Phong lúc đó nằm trong Mặt Trận Việt Minh, chúng tôi cũng không màng biết đến Mặt Trận Việt Minh là gì, chỉ biết là mình đang phục vụ một tổ chức chống Pháp.

Theo các "anh lớn" cho biết, Việt Minh là một mặt trận gồm đủ các đảng phái quốc gia, lo việc giành độc lập, đến sau này tôi mới biết là do Đảng Cộng Sản chi phối. Cờ của Mặt Trận Việt Minh là cờ đỏ sao vàng.

Cả nhà, cả xóm, cả làng ..., ai cũng hăng hái tham gia, không làm việc này cũng làm việc nọ, để đạt mục đích là đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập, tự do cho nước nhà. Tuổi trẻ với lòng hăng say, đâu biết chánh trị là gì, chỉ cầu mong có người đứng ra hướng dẫn hoạt động cho tổ quốc là thỏa mãn rồi.

Tôi thuộc trong số người hăng hái nhập cuộc, ai sai bảo gì làm nấy. Chúng tôi được phân ra từng toán và mỗi người lãnh một cây tầm vông vạt nhọn. Đoàn chúng tôi được lệnh chiều ngày 24 tháng tám (1945) đi chiếm các công sở, để ngày mai 25 tháng 8, ra mắt chánh quyền "Cách Mạng" tại Sài Gòn. Tin cho hay:

- Các anh ở trên đã lo tất cả rồi, anh em mình chỉ kéo đến chiếm các công sở thôi, không có đánh giặc với ai hết.

Nghe cũng khỏe. Nói là hăng say cho tổ quốc, nhưng ai cũng sợ chết, nghĩ rằng rủi có viên đạn vô tình nào trúng mình, thật là oan uổng đời trai trẻ. Và lại, trong tay chỉ có cây tầm vong vật nhọn, dám này đánh với ai?

Cũng may, từ sau khi Nhứt đầu hàng, các cơ sở chánh phủ không còn người Nhứt nữa, chánh phủ Việt Nam thân Nhứt lúng túng, nhân viên Việt Nam tại các công sở chẳng biết theo ai, làm gì, giống như rắn không đầu, trong khi người Pháp được Nhứt thả ra bắt đầu kết hợp để trở lại chánh quyền. Phong trào chống Tây lên cao, nhân viên các công sở sẵn sàng theo phe nổi dậy là Thanh Niên Tiền Phong và Mặt Trận Việt Minh.

Khi Thanh Niên Tiền Phong chúng tôi đến chiếm các công sở, không có sự chống đối nào cả. Tôi thuộc trong nhóm đi chiếm Tòa Tỉnh Trưởng Tân Bình, tại Ngã Tư Phú Nhuận.

Tối đến, có lệnh chuẩn bị tiến về phía Sài Gòn theo ngã Lãng Ông Bà Chiểu đi ra hướng Đa Kao, đánh mấy "thằng Tây" đang chống cự.

Tầm vong vật nhọn xách theo, chúng tôi nổi hàng hai từ Tòa Tỉnh Trưởng Tân Bình dài đến Lãng Ông Bà Chiểu. Có tiếng súng nổ phía Đa Kao, người ta nói chuyện miệng "Có Việt Gian", cả đoàn nằm xuống đất. Tôi nằm trong khúc giữa, và cứ thế mà bò lần lần lên đến nửa đường ra Đa Kao. Tiếng súng nổ giòn hơn, nghe nói có người bị thương nhưng tôi không thấy. Rồi nằm chịu trận đó, không biết chuyện gì xảy ra phía trước... Mãi đến 11 giờ đêm, có lệnh rút lui, trở về Tòa Tỉnh Trưởng Tân Bình.

Lúc đó là gần 12 giờ khuya.

Mọi người được chia nhiệm vụ. Phận sự tôi là canh gác cầu thang lên từng trên tòa nhà tỉnh trưởng, và được cấp một cây súng ru lô (rouleau), nhưng không phát đạn. Một quá, và cũng buồn ngủ quá, nhưng tôi không dám từ

chối, lên ngôi chỗ hai cầu thang giáp với nhau. Cả đời từ nhỏ lớn lên, nay mới cầm được cây súng trong tay, tôi bóp cò thử, nghe lắc cắc vui tai.

Đêm khuya vắng lặng, thỉnh thoảng tôi cầm cây súng, nhìn xem và bóp cò:

- Cắc, cắc, cắc cắc ...

Nhờ đó, tôi đỡ buồn ngủ, tiếp tục ngồi canh tới sáng.

Khi mặt trời lên cao, tôi nghe từ từng trên có tiếng giày đi xuống. Đó là phái đoàn mấy "anh lớn" ngủ trên đó hồi hôm. Mấy anh vừa đi vừa nói chuyện, trông nghiêm nghị lắm. Tôi nhìn thấy mấy đôi giày chậm chậm bước xuống. Lòng mừng rỡ, tôi đứng dậy trong thế nghiêm chỉnh để chào mấy "anh lớn" mà đến hôm đó tôi mới biết mặt.

Có tiếng hỏi của anh thủ trưởng khi ông thấy tôi:

- Cậu này gác đây đây à?

Theo câu hỏi trên, tôi biết ông là người Bắc. Mừng quýnh, tôi trả lời ngay "Dạ phải" và đứng yên ngó thẳng về phía trước. Lúc đó, tôi cảm thấy rất hãnh diện với mấy vết bùn đất tối hôm qua còn dính đây trên quần áo tôi. Anh thủ trưởng nhìn tôi từ trên xuống dưới: tôi chỉ chờ đợi một lời khen tinh thần xung phong và hăng hái của tôi là tôi quá mãn nguyện. Xong anh ngó qua mấy người trong phái đoàn rồi chậm rãi nói lớn lên từng tiếng một:

- Bấm cò cả đêm, không ngủ được!

Cả đoàn từng bước đi xuống cầu thang..., tôi lặng người, đứng nhìn theo, ngơ ngác! Câu "khen" của anh thủ trưởng vẫn còn văng vẳng bên tai tôi mấy mươi năm về sau.

Hôm sau đó, là ngày 25 tháng Tám, 1945, tại Sài Gòn, Mặt Trận Việt Minh tuyên bố nắm chánh quyền, sau khi đã chiếm mấy công sở, với cờ đỏ sao vàng là cờ của

nước Việt Nam. Tôi không đi dự vì bận canh gác tại Tòa Tỉnh Trưởng ở Phú Nhuận.

Nồi da xáo thịt bắt đầu...

Sau đó, là cả vùng khu xóm Bình Hòa (chỗ tôi ở), thiên hạ đều mừng rỡ tham gia. Nhưng vì lòng dân hăng hái quá độ nên cảnh hỗn loạn bắt đầu. Chỗ nào cũng lập trạm gác, xét bắt người, và vu cáo người ta là "Việt Gian". Ai mặc đồ có nhãn hiệu cờ tam sắc xanh trắng đỏ (màu cờ của Pháp) là bị bắt tra gạn, có thể bị thủ tiêu.

Tại Ngã Tư Bình Hòa (Gia Định), mấy ngày sau, có xử tử bằng cách chém đầu một bà bị buộc tội "theo Tây", không nói rõ tội trạng là gì. Một số bạn hàng theo thường lệ gánh hàng từ Bà Chiêu ra chợ Đa Kao bán bị đuổi về, hoặc bị bắt, hàng hóa bị tịch thu vì cho rằng đi tiếp tế cho Tây. Có một bà đem vài trứng gà đi qua Cầu Bông để bán, bị bắt và bị xử chém ngay tại chỗ.

Cả khu xóm đều rung động và người ta bắt đầu sợ sệt, sợ những nhóm dân quân quá khích. Người làm cho Tây từ trước đều lo sợ cho số phận mình và gia đình.

Lối nửa tháng sau khi Việt Minh lên nắm quyền trong Nam, binh lính Pháp đổ bộ vào Sài Gòn và tái lập chánh quyền Pháp. Mặt Trận Việt Minh bỏ chạy sau khi hô hào "tiêu thổ kháng chiến", là tự tiêu hủy nhà cửa để thành vườn không nhà trống và kêu gọi dân chúng tản cư, không hợp tác với Pháp, không làm việc cho Pháp.

Tuy nhiên, không ai thi hành lệnh tiêu thổ kháng chiến, vì không ai hăng say đến nỗi tự phá hủy nhà mình. Người lúc trước đi làm hăng sở của người Pháp, hay trong các công sở chánh phủ không dám đi làm vì sợ bị ám sát. Một số dân chúng bắt đầu tản cư, bỏ nhà đi tản về nhà thôn quê, chờ xem thời cuộc ngã ngũ ra sao?

Các vụ bắt cóc, ám sát xảy ra hằng ngày. Một ông ở ngã ba Cây Thị khoe với bạn bè rằng ngày mai ông đi làm trở lại và rủ bạn bè đi làm cho vui:

- Anh Năm ơi! Anh đi làm chưa? Mai tôi đi!

Từ trong nhà, ông Năm trả lời:

- Anh có đi thì đi, còn tôi không đi.

Ngày sau, lối 5 giờ sáng, cô con gái bác ấy vừa khóc vừa chạy ra nhà ông Năm báo tin là ba cô đã bị bắt đem đi mất hồi hôm. Không tìm được xác ông.

Còn một gia đình nữa, gia chủ làm Xã Trưởng làng Bình Hòa. Một hôm, ông đến thăm một người thân, và tâm sự:

- Anh chị làm ơn chăm lo cho mấy đứa con của tôi, tôi biết thế nào tội nó (đám Cách Mạng) sẽ tìm cách giết tôi; vợ tôi mất sớm, tôi có sáu đứa con, sau khi tôi mất nhờ anh chị dòm ngó, dạy dỗ, giúp đỡ giùm!

Đúng theo lời ông nói, vài tháng sau, ông bị ám sát khi cỡi xe đạp đến sở làm.

Một người ở lối xóm là nhà giáo, ông cũng bị ám sát trước nhà.

Một cô thân tình với gia đình tôi, nhà ở Xóm Thom (ở giữa Bình Hòa và Gò Vấp) kể lại:

"Ông già tôi làm ở ngân hàng, đi làm bằng xe gắn máy, từ đường cái về nhà phải qua một cái hẻm. Hôm đó, cả nhà chờ ông đến chiều tối không thấy ông về, tá hỏa đi tìm, một người trong hẻm cho biết có thấy ông đi với hai người đi hai bên ông, họ bắt ông đi giết".

Một anh bạn tôi, trong một lá thư, kể lại tình hình sôi động trong thời kỳ Nhứt, Pháp tranh chấp tại nơi sanh quán Tân Uyên (Biên Hòa) của anh như sau:

"Quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa là nơi ba má tôi, tôi và em tôi sinh sống.

Tại đây có một đồn binh của quân đội Pháp. Tình hình vẫn yên tĩnh, dân chúng sinh hoạt bình thường... Bỗng nhiên vào khoảng nửa đêm tháng 3, 1945, đồn binh bị phá hủy, tiếng nổ rền trời, bà con hoảng loạn tìm nơi ẩn núp, đến sáng hôm sau mới biết đồn binh bị san bằng và không còn thấy hình bóng của quân Pháp.

Vào khoảng một tuần lễ sau, quân Nhật tấn công quận Tân Uyên và chiếm đóng nhiều làng xã, thiết lập đồn binh kể cả trên sân bay. Những tháng sau đó, quân Nhật hoành hành bá đạo: một vụ giết người ghê rợn bằng cách dùng lưỡi lê đâm thẳng vào tim nạn nhân bị kết tội ăn cắp.

Ngoài những vụ đàn áp dân lành, việc hành xử trái đạo lý đối với phụ nữ xảy ra liên tục mặc dầu nền hành chánh quận Tân Uyên vẫn tồn tại nhưng bất lực.

Hằng ngày, quân Nhật thường đến tắm bên cạnh bến đò đưa khách qua lại hai bờ sông Đồng Nai, họ tắm một cách tự nhiên, trần truồng như nhộng, không quần lót, khiến khách qua đò phải che mặt bước xuống thuyền âm thầm nguyên rửa..."

Về thời kỳ Việt Minh mới lên nắm chánh quyền, anh cho biết tiếp:

"Máy bay quân đội Đồng Minh oanh tạc các đồn binh và sân bay Nhật. Khi chánh phủ Nhật đầu hàng, quân Nhật lần lượt biệt tăm và Việt Minh lên nắm chánh quyền.

Nền hành chánh quận Tân Uyên bị giải tán, ông Quận Trưởng và gia đình khăn gói ra đi và tòa hành chánh quận Tân Uyên trở thành trụ sở của Ủy Ban Kháng Chiến Miền Đông Nam Bộ của Việt Minh.

Ngoại tôi có căn nhà ba gian một chái, nền cao, cạnh bờ sông có cây cao bóng mát. Bà ngoại và dì tôi chỉ ở trong cái chái, còn nhà trên bỏ trống. Thỉnh thoảng, có thương buôn ở miền Tây lên mua gỗ ở trọ. Mặt Trận Việt Minh xin ngoại tôi cho họ được dùng nhà đó làm nơi tạm

trú. Phần lớn là những thanh niên nam, nữ từ Sài Gòn lên, có học thức cao, tiếp dân rất ôn hòa, do đó dân chúng rất có cảm tình, vì họ có dân với nhau: "Không được động đến cây kim sợi chỉ của dân chúng!"

Tháng 12 năm 1945, dưới cái mũ quân đồng minh đổ bộ vào miền Nam Việt Nam (Đông Dương) tước khí giới quân Nhật, quân Pháp chiếm đóng thành phố Biên Hòa.

Để chặn đứng âm mưu bành trướng của quân Pháp, bộ đội Việt Minh, vào một đêm đã tấn công sân bay Biên Hòa; trong trận chiến này, họ thất bại, thủ trưởng và một số đồng đội bị tử thương.

Khi rút đi, bộ đội Việt Minh đã bắt năm người Việt Nam, 4 nam và 1 nữ mà họ cho là Việt gian. Sau nhiều ngày điều tra, năm người này bị kết tội phản quốc và bị phán quyết tử hình.

Một buổi chiều tại sân vận động Tân Uyên, mặt trời vừa khuất bóng, màn đêm chập chờn u ám, năm nạn nhân quỳ trước bàn thờ Tổ Quốc, sau lưng họ, bộ đội xử tử họ bằng cách chặt đầu không gớm tay. Một cảnh tượng thật ghê rợn.

Vào tháng 12 năm 1945, sau cuộc tấn công của bộ đội Việt Minh, quân Pháp bắt đầu mở rộng vòng đai. Họ cho tàu chiến từ Biên Hòa lên Tân Uyên nã đại pháo vào hai bên bờ sông Đồng Nai, đồng thời, dùng bộ binh thẳng tiến từ Tân Ba đến chiếm đóng quận Tân Uyên.

Bà con từ làng trên xóm dưới những tường sẽ có ngày bình yên để tiếp tục cày sâu cuốc bẫm, nào ngờ quân Pháp tiếp tục bố ráp, lùng bắt Việt Minh sống lẫn lộn trong dân lành. Dân chúng trong vùng bị quân kháng chiến bắt đi đào đường, đắp mô, phá cầu, gia nhập vào các hội Cứu Quốc, học tập về đường lối Xã Hội Cộng Sản..., cảnh sống xứ quê nghèo tôi bị đảo lộn từ trên xuống dưới, người dân

không còn chút gì tự do! Ba má tôi không còn cách lựa chọn nào khác, đành phải từ bỏ nhà cửa vườn tược, cây trái, trốn khỏi Tân Uyên xuống Biên Hòa làm lại cuộc sống mới. Từ đó, tôi không còn nghĩ đến quê cha đất tổ nữa, thôi giã biệt Tân Uyên!"

